



TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2021

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi : Quý Cổ Đông Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng Số 5 trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- ✦ Thời gian : 8g00 - Thứ tư, ngày 28 tháng 04 năm 2021.
- ✦ Địa điểm : Hội trường Công ty cổ phần xây dựng số 5 (Lầu 09 - 137 Lê Quang Định - Phường 14 - Quận Bình Thạnh – TP.Hồ Chí Minh).
- ✦ Nội dung : Chương trình ĐHCĐTN năm 2021 được đính kèm theo thông báo này.
- ✦ Thành phần: Tất cả cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần SC5 tại ngày đăng ký cuối cùng 23/03/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- ✦ Tài liệu Đại hội: Quý cổ đông vui lòng tham khảo Tài liệu Đại hội được đăng tải trên Website Công ty www.sc5.vn kể từ ngày 06/4/2021.
- ✦ Ủy quyền tham dự Đại hội: Trường hợp không thể trực tiếp tham dự Đại hội, để thực hiện quyền biểu quyết và bầu cử của mình, Quý cổ đông có thể ủy quyền cho một người khác tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị Công ty.
- ✦ Điều kiện tham dự Đại hội: Cổ đông tham dự Đại hội mang theo CMND hoặc Hộ chiếu (bản chính), thư mời, Giấy Ủy quyền (bản chính) nếu là người được Ủy quyền;
- ✦ Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị quý cổ đông xác nhận tham dự Đại hội trước ngày 25/04/2021 qua fax, E-mail, điện thoại hoặc gửi giấy qua đường bưu điện theo địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 62.583.425; Fax: (028) 62.583.426 ĐD: 0909.242.511 (Minh Hải)

Website: www.sc5.vn Email: sc5@sc5.vn

Thông báo này thay cho Thư mời tham dự Đại hội trong các trường hợp Quý cổ đông có quyền tham dự Đại hội nhưng chưa nhận được Thư mời.



NGUYỄN KINH KHA



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian tổ chức Đại hội: 08h00 – Thứ tư, ngày 28 tháng 04 năm 2021.

Địa điểm tổ chức Đại hội: Hội trường Công ty cổ phần xây dựng số 5 – Lầu 9, 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Chương trình Đại hội:

Thời gian	Nội dung
8:00 - 8:30	<ul style="list-style-type: none">– Đón tiếp đại biểu, cổ đông.– Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông có mặt.
8:30 - 8:40	<ul style="list-style-type: none">– Khai mạc Đại hội.– Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.– Giới thiệu và biểu quyết Đoàn Chủ tịch.– Giới thiệu và biểu quyết thông qua Thư ký Đại hội.– Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban Kiểm phiếu.– Đọc và thông qua chương trình Đại hội.– Đọc và thông qua quy chế Đại hội.
8:40 - 8:50	<ul style="list-style-type: none">– Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
8:50 – 9:00	<ul style="list-style-type: none">– Báo cáo của Ban Tổng GD về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021.
9:00 – 9:10	<ul style="list-style-type: none">– Báo cáo tóm tắt Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.
9:10 – 9: 20	<ul style="list-style-type: none">– Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính năm 2020.
9:20 – 9:40	<ul style="list-style-type: none">– Đọc các tờ trình:<ol style="list-style-type: none">1. Tờ trình xây dựng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.2. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2020.3. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.4. Tờ trình sửa đổi, bổ sung và bỏ ngành nghề kinh doanh cho phù hợp với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.5. Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.6. Tờ trình Các vấn đề khác cần thông qua tại Đại hội: Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán; Báo cáo của Ban Tổng GD về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021; Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021; Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính năm 2020; Mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.7. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
9:40 – 10:10	<ul style="list-style-type: none">– Thảo luận của Cổ đông.– Cổ đông biểu quyết các vấn đề trong các tờ trình.
10:10 – 10:40	<ul style="list-style-type: none">– Cổ đông nghỉ giải lao.
10:40 – 11:00	<ul style="list-style-type: none">– Công bố kết quả kiểm phiếu.
11:00 – 11:30	<ul style="list-style-type: none">– Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
11:30	<ul style="list-style-type: none">– Tuyên bố bế mạc Đại hội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ HOẶC ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5

Tên cổ đông:.....Mã số:.....

Địa chỉ:.....

Số CMND/Hộ chiếu/GĐKKD:.....do.....cấp ngày:.....

Số cổ phần sở hữu:.....cổ phần.

Tôi xác nhận rằng:

1. Trực tiếp tham dự Đại hội.

2. Ủy quyền tham dự Đại hội.

2.1. Đồng ý ủy quyền cho Ông/Bà dưới đây:

- Họ và tên người được ủy quyền:.....

- Địa chỉ:.....

- Số CMND/HC/GĐKKD:.....cấp ngày.....tại.....

2.2. Hoặc ủy quyền cho:

Ông Nguyễn Kinh Kha – Chủ tịch HĐQT;

Ông Phạm Văn Từ - Phó Chủ tịch HĐQT;

Ông Trần Đạt Thịnh - Thành viên HĐQT;

Ông Nguyễn Đình Dũng - Thành viên HĐQT;

Ông Phạm Quốc Tuấn - Thành viên độc lập HĐQT.

Được thay mặt tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần xây dựng số 5 ngày **28/04/2021** và có toàn bộ quyền hạn đại diện cho số cổ phần tôi sở hữu để quyết định các vấn đề thuộc nội dung Đại hội.

Người được Ủy quyền có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Công ty, không được ủy quyền lại cho người thứ ba và có trách nhiệm thông báo lại các nội dung của Đại hội cho cổ đông ủy quyền biết.

TP.Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm 2021

Người được ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cổ đông tham dự/ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý: Cổ đông điền đầy đủ thông tin cổ đông và người được ủy quyền (trường hợp ủy quyền). Trường hợp cổ đông ủy quyền cho các thành viên HĐQT thì đánh dấu x vào ô tương ứng. Xin vui lòng fax hoặc email Giấy xác nhận tham dự/ Ủy quyền tham dự về Công ty theo số: Fax: 028.62 583 426; DD: 0909 242 511 (Minh Hải); email:sc5@sc5.vn



TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch và dân chủ.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội cổ đông.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28/04/2021 (“Đại hội”) của Công ty cổ phần xây dựng số 5 (“Công ty”).
2. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định của Quy chế này.

Điều 3. Yêu cầu chung

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự họp Đại hội phải trang phục chỉnh tề.
2. Giữ trật tự và không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ im lặng.

Điều 4. Điều kiện để tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty cổ phần xây dựng số 5 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày đăng ký cuối cùng 23 tháng 03 năm 2021.

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Quy định về ủy quyền

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải theo các quy định sau:

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì Giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.
2. Trường hợp cổ đông là tổ chức thì Giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện pháp luật của tổ chức đó và chữ ký của người được ủy quyền.
3. Các trường hợp Giấy ủy quyền được lập thành văn bản không theo mẫu của Công ty sẽ do Chủ tọa đại hội toàn quyền quyết định tính hợp lệ của Giấy ủy quyền đó.
4. Một người có thể làm đại diện theo ủy quyền cho một hoặc nhiều cổ đông.
5. Người được ủy quyền dự họp Đại hội phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội

1. Quyền của các cổ đông tham dự Đại hội
 - a. Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội bằng văn bản theo mẫu;
 - b. Khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đều nhận được các Thẻ Biểu quyết và Phiếu Biểu quyết có ghi số cổ phần tương ứng với số phiếu bầu của mình đối với các vấn đề thảo luận tại cuộc họp.
 - c. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.
 - d. Được Ban tổ chức phát các tài liệu: Chương trình Đại hội và các tài liệu phục vụ Đại hội.
 - e. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội
 - a. Tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế này.
 - b. Khi cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham gia Đại hội với Ban tổ chức Đại hội và xuất trình các giấy tờ sau:
 - Thư mời tham dự Đại hội (nếu có).
 - Giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu.
 - Giấy ủy quyền hợp lệ (trường hợp được ủy quyền tham dự đại hội).
 - Nghiêm túc chấp hành nội quy tại Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

- Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Chủ tọa Đại hội.

Điều 7. Chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Hội đồng quản trị quyết định thành lập, có chức năng và nhiệm vụ sau:

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ kiểm tra CMND/CCCD/Hộ chiếu của cổ đông, kiểm tra tính hợp lệ của các giấy ủy quyền tham dự Đại hội.
2. Phát Thẻ Biểu quyết, Phiếu Biểu quyết và tài liệu Đại hội cho cổ đông.
3. Trường hợp người đến tham dự Đại hội không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra có quyền từ chối cấp Thẻ Biểu quyết, Phiếu Biểu quyết và tài liệu Đại hội cho cổ đông và có quyền không cho phép người đó tham dự Đại hội.
4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông phải làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra đó.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Ban thư ký và Ban Kiểm phiếu

1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội.
 - a. Chủ tịch HĐQT công ty là Chủ tọa Đại hội, là người điều khiển Đại hội.
 - b. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách trật tự, nghiêm túc đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - c. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
 - d. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký Đại hội
 - Thư ký Đại hội do Chủ tọa giới thiệu.
 - Ban thư ký có chức năng lập Biên bản Đại hội, Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa.

3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu bao gồm 01 trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội thông qua bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông của Công ty.
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và tổ chức kiểm phiếu.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; Giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.
- Ban kiểm phiếu phải trung thực, chính xác mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, chịu trách nhiệm về kết quả kiểm phiếu.

III. TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Nội dung Đại hội

Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

Điều 10. Thể thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Mỗi cổ đông dự họp sẽ nhận 01 Phiếu biểu quyết bao gồm các nội dung cần thông qua tại Đại hội. Cổ đông sẽ biểu quyết bằng cách đánh dấu X vào ô lựa chọn (Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến) và ký tên vào ô chữ ký cổ đông.
 - Những Phiếu biểu quyết không đánh dấu X vào ô lựa chọn được coi như không có ý kiến.
 - Sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu, những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến.
 - Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:
 - Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không có dấu của Công ty.
 - Phiếu bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa.
 - Phiếu ghi thêm thông tin khác, thêm ký hiệu.
 - Phiếu có đánh dấu nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết.
 - Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn hoặc làm hư hỏng Phiếu biểu quyết với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu xin đổi lại Phiếu biểu quyết khác.
2. Đối với các nội dung thông qua bằng Thẻ biểu quyết: Chương trình đại hội; Quy chế tổ chức Đại hội; Ban Thư ký; Ban Kiểm phiếu; Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng

cổ đông. Cổ đông biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình lên. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

Điều 11. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

1. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội.
2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung Chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.
3. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản cuộc họp.

Điều 12. Thông qua quyết định tại Đại hội

Các vấn đề của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội với tỷ lệ theo quy định trong Điều lệ của Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.

IV. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 13. Biên bản Đại hội

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản của Đại hội. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

Điều 14. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.
2. Các cổ đông, thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết của ĐHCĐ phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Trường hợp tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông không thành

1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 4 Quy chế này, thì được triệu tập lần thứ 2 trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì được triệu tập lần họp thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày,

kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Quy chế này bao gồm 05 Chương, 16 Điều và có hiệu lực thi hành khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 thông qua.

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

NGUYỄN KINH KHA



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG SỐ 5**
---oOo---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên Năm 2021

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 xin báo cáo Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 về tình hình hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2020.

Đại dịch COVID 19 tiếp tục diễn biến khó lường trên thế giới và khó ngăn chặn, nó đã đang và sẽ tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết mọi mặt của đời sống xã hội. Cho đến nay, khi tình hình dịch bệnh ở Việt Nam có xu hướng được kiểm soát, thế nhưng suy thoái kinh tế dẫn đến mất việc làm và giảm thu nhập trở thành vấn đề đáng lo ngại nhất và còn kéo dài. Ảnh hưởng sâu sắc của dịch Covid -19 đến tất cả các ngành đều có thể nhìn thấy rõ như hàng không, du lịch, bất động sản... Ngành xây dựng cũng không tránh khỏi tình trạng bị ảnh hưởng nặng nề.

Trong thời điểm đỉnh dịch, theo khuyến nghị dừng, giãn cách hoạt động tại các công trường xây dựng của chính phủ, Công ty đã phải dừng thi công tại rất nhiều công trình, từ đó gây ảnh hưởng lớn đối với tiến độ và kế hoạch SXKD. Tuy nhiên Công ty đã vượt qua giai đoạn khủng hoảng này bằng một loạt những giải pháp hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn cho hàng nghìn lao động tại hơn 50 công trình lớn nhỏ trên khắp cả nước, đồng thời đưa ra những giải pháp vận hành của Công ty cho phù hợp với thời điểm bùng phát dịch bệnh. Ban lãnh đạo Công ty chủ động nắm bắt tình hình, tập trung lãnh đạo, khắc phục khó khăn, giữ vững hoạt động, triển khai mọi mặt công tác, các mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản hoàn thành:

- Giá trị sản lượng : 2.350 tỷ đồng đạt 96 % so với kế hoạch
- Giá trị doanh thu : 2.092 tỷ đồng đạt 94 % so với kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế : 45,14 tỷ đồng đạt 171 % so với kế hoạch
- Lợi nhuận sau thuế : 35,26 tỷ đồng đạt 167 % so với kế hoạch
- Nộp ngân sách nhà nước: 209,44 tỷ đồng đạt 92 % so với kế hoạch

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị năm 2020

Stt	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Nguyễn Kinh Kha	Chủ tịch HĐQT	Bỏ nhiệm ngày 31/07/2020
2	Phạm Văn Từ	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD	Bỏ nhiệm ngày 31/07/2020
3	Trần Đạt Thịnh	Thành viên HĐQT	
4	Nguyễn Đình Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng GD	
5	Phạm Quốc Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	

2. Hoạt động Hội đồng quản trị trong năm 2020.

Năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 17 cuộc họp, ban hành 15 nghị quyết và quyết định (trong đó có 01 nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông). Kịp thời đề ra các chủ trương, giải pháp chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến việc xây dựng chiến lược phát triển và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Trong quá trình hoạt động, HĐQT cũng thực hiện phân công nhiệm vụ chi tiết tới từng thành viên. Theo lĩnh vực được phân công, các thành viên đã chủ động lên kế hoạch làm việc và định kỳ giám sát, đôn đốc các bộ phận trong việc triển khai các Nghị Quyết, Quyết Định của HĐQT.

Các nghị quyết của HĐQT trong năm 2020:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	39/2020/NQ-HĐQT	13/02/2020	Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐTN năm 2020
2	125/2020/NQ-HĐQT	16/04/2020	Hoãn tổ chức ĐHĐCĐTN năm 2020 do Covid
3	275/2020/NQ-HĐQT	14/05/2020	Tổ chức ĐHĐCĐTN năm 2020
4	342/NQ -ĐHCĐTN2020	01/06/2020	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020
5	411/2020/NQ-HĐQT	17/06/2020	Lựa chọn Công ty kiểm toán cho các BCTC năm 2020
6	480/2020/NQ-HĐQT	09/07/2020	Chia cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt
7	536/2020/NQ-HĐQT	31/07/2020	Bầu ông Nguyễn Kinh Kha làm Chủ tịch HĐQT
8	537/QĐ/HĐQT/SC5	31/07/2020	Tái bổ nhiệm ông Phạm Văn Từ làm Tổng Giám đốc
9	657/QĐ/HĐQT/SC5	30/09/2020	Bổ nhiệm ông Nguyễn Hoài Thanh làm Phó Tổng GD
10	667/QĐ/SC5	02/10/2020	Thành lập Chi nhánh – Xí nghiệp xây dựng số 10
11	668/QĐ/SC5	02/10/2020	Thành lập Chi nhánh – Xí nghiệp xây dựng số 7
12	713/QĐ/HĐQT/SC5	27/10/2020	Bổ nhiệm ông Phạm Văn Tuấn làm Phó Tổng Giám đốc
13	724/QĐ/SC5	28/10/2020	Thành lập Chi nhánh – Xí nghiệp xây dựng số 15

14	761/2020/NQ-HĐQT	27/11/2020	Bà Bùi Thị Thu Hương tiếp tục giữ chức vụ KTT đến hết ngày 31/12/2020
15	813/QĐ/HĐQT/SC5	31/12/2020	Bổ nhiệm Ông Phan Chí Hiếu giữ chức vụ KTT kể từ ngày 01/01/2021.

Tình hình giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020:

- Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận đúng theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020. Đã thực hiện việc thanh toán cổ tức năm 2019 cho cổ đông là 20% (2.000 đồng/1 cổ phần) vào ngày 18/08/2020.
- Thực hiện việc ủy quyền của ĐHCĐ, HĐQT đã lựa chọn Công Ty TNHH Kiểm Toán DFK Việt Nam là Công ty cung cấp dịch vụ kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2020.
- Thực hiện chi trả thù lao HĐQT và BKS: Trong năm 2020, Công ty đã chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS là: 1,896 tỷ đồng (Được phép chi là: 2,257 tỷ đồng).

Mức lương, thù lao của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao 1 tháng	Lương 1 tháng	Ghi chú
1	Nguyễn Kinh Kha	Chủ tịch HĐQT	32.000.000		Bổ nhiệm ngày 31/07/2020
2	Phạm Văn Từ	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	28.000.000	45.000.000	Bổ nhiệm ngày 31/07/2020

4	Trần Đạt Thịnh	Thành viên HĐQT	25.000.000		
5	Phạm Quốc Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	20.000.000		
6	Trần Minh Hải	Phụ trách quản trị		18.700.000	

3. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong năm 2020, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt việc quản lý, điều hành kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Việc tổ chức, điều hành hoạt động SXKD Công ty của Ban Tổng Giám đốc là phù hợp với các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2021

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020 và đánh giá tình hình dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp. Hội đồng quản trị Công ty định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHCĐ Thường Niên năm 2021 giao.
- Tiếp tục nâng cao năng lực xây lắp, tăng cường chất lượng đấu thầu. Chủ động tìm kiếm và mở rộng thị trường xây lắp. Tăng cường giám sát hoạt động của các đơn vị trực thuộc, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn hiệu quả.
- Nâng cao quản trị rủi ro về pháp lý, kiểm soát nội bộ, sát sao trong công tác bảo vệ môi trường, an toàn trong lao động.

- Nâng cao quản trị rủi ro về pháp lý, kiểm soát nội bộ, sát sao trong công tác bảo vệ môi trường, an toàn trong lao động.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án khu dân cư Phường Phước Long B – TP.Thủ Đức.
- Tiếp tục cải tiến nâng tầm bộ máy quản trị, điều hành đặc biệt về quản trị nguồn nhân lực, thu hút nhân sự có trình độ, năng lực. Tiếp tục nghiên cứu cơ cấu lại tổ chức – nhân sự theo hướng tinh gọn bộ máy.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN KINH KHA



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020 & XÂY DỰNG KẾ
HOẠCH SXKD NĂM 2021**

Kính thưa quý vị Cổ đông !

Ban Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5 (SC5) xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 kết quả thực hiện kế hoạch SXKD đạt được trong năm 2020 và xây dựng định hướng kế hoạch SXKD năm 2021 cụ thể như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020**

I. Tổng quan tình hình kinh tế xã hội năm 2020:

– Các khó khăn thách thức:

Năm 2020 là một năm cực kỳ khó khăn và đầy thách thức đối với nền kinh tế Thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng, đại dịch Covid-19 đã làm cho cả thế giới thay đổi nhận thức về tác dụng của chiếc khẩu trang, nhân loại phải sống trong những ngày cách ly, giãn cách, không thể giao thương giữa các nước làm cho SXKD bị trì trệ, đình đốn, suy giảm nghiêm trọng .

Tình hình kinh tế, chính trị thế giới vẫn trong bối cảnh phức tạp, không ổn định: Như cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, bảo hộ mậu dịch, thiên tai, dịch bệnh hoành hành ở nhiều quốc gia, cuộc cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, chưa có phương án giải quyết thỏa đáng để nền kinh tế thế giới phát triển bền vững.

Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh ngành xây dựng và bất động sản bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 đang rất khó khăn về tài chính và việc làm, nguy cơ sát nhập giải thể cao.

Tình trạng cạnh tranh gay gắt trong tiếp thị tìm kiếm công việc giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề ngày càng khốc liệt, điều đó đã làm cho hiệu quả SXKD không được như kỳ vọng.

– Các thuận lợi trong năm kế hoạch:

Chúng ta đã có thương hiệu, uy tín trên thương trường, nhất là lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, xử lý và cải thiện môi trường nước, kinh doanh bất động sản. Các hợp đồng ký được trong kỳ kế hoạch phần lớn thuộc lĩnh vực sản xuất nước sạch phục vụ sinh hoạt, thoát nước, xử lý nước thải cải thiện môi trường. Địa bàn hoạt động của Công Ty đã vươn tới các tỉnh phía Bắc, khu vực Miền Trung và Tây Nam Bộ. Chính vì thế mà giá trị hợp đồng trong năm qua công ty trúng thầu và ký được lên tới: 3.971 tỷ đồng.

Ngoài ra còn có giá trị hợp đồng gói đầu chuyển từ năm trước sang, đảm bảo đủ việc làm cho người lao động, đó là bước đệm để làm cơ sở thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD 2020.

Có đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành công ty nhạy bén, năng động, tháo vát, sáng tạo nhanh chóng thích nghi với hoàn cảnh mới. Đoàn kết, đồng thuận trong công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành tất cả các lĩnh vực SXKD.

Được sự tin tưởng và động viên kịp thời của Quý vị cổ đông, sự giúp đỡ của cơ quan ban ngành và sự phấn đấu không mệt mỏi của người lao động với một mục tiêu duy nhất là duy trì sự ổn định, phát triển bền vững của công ty trong mọi hoàn cảnh.

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 (đã được kiểm toán):

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % thực hiện so với kế hoạch
A	Tổng giá trị sản lượng	Tỷ đồng	2.450	2.350	96
	- Giá trị xây lắp	Tỷ đồng	2.385	2.085	87
	- Giá trị kinh doanh BĐS	Tỷ đồng	26,5	0	0
	- Giá trị kinh doanh khác	Tỷ đồng	38,5	265	688
B	Giá trị tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.024,5	1.901,9	94
	- Doanh thu xây lắp	Tỷ đồng	1.970,9	1.620,4	82
	- Doanh thu kinh doanh BĐS	Tỷ đồng	21,8	40,78	187
	- Doanh thu kinh doanh khác	Tỷ đồng	31,8	240,72	757
C	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	26,44	45,14	171
D	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21,15	35,26	167
E	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	228	209,44	92
F	Cổ tức trên mỗi cổ phần	%	12	20	167

III. Đánh giá tổng quát các lĩnh vực hoạt động trong năm 2020:

- Lĩnh vực đấu thầu và quản lý thi công xây lắp:

• Công tác đấu thầu:

Năm 2020 là năm khó khăn trong việc tiếp thị và đấu thầu do đại dịch Covid-19, các dự án xây lắp do chính phủ triển khai từ nguồn vốn đầu tư công phần lớn là dành cho các dự án giao thông, xây dựng đường cao tốc và hạ tầng kỹ thuật, các dự án có giá trị lớn thuộc thế mạnh và truyền thống của công ty ít được triển khai tại các thành phố lớn. Đứng trước tình hình đó Công ty đã mở rộng địa bàn hoạt động tiếp thị, đấu thầu ra Miền Bắc, Miền Trung và Tây Nam Bộ vì thế đã đạt được những kết quả tốt bằng các hợp đồng có giá trị lớn ở Lạng Sơn, Đà Nẵng, Quảng Nam, Bến Tre; Công tác đấu thầu của Công ty đã từng bước được nâng cao về tính chuyên nghiệp, chuyển dần từ đấu thầu truyền thống sang đấu thầu qua mạng để nâng cao sự minh bạch và tính cạnh tranh, phù hợp với thời đại công nghệ 4.0. Trong năm 2020, giá trị trúng thầu các dự án đạt hơn 3.971 tỷ đồng, đảm bảo đủ việc làm cho năm kế hoạch và gói đầu cho những năm sau, trong đó có các hợp đồng EPC có giá trị lớn và các công trình dân dụng có tính kỹ mỹ thuật cao.

• Công tác quản lý xây lắp các dự án:

Quản lý điều hành xây lắp theo hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO, đưa công tác quản lý chất lượng đúng với các quy định của pháp luật một cách nề nếp và nghiêm túc; Công tác chỉ đạo điều hành thi công bám sát các điều khoản hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư,

tuân thủ nghiêm túc quy trình, quy phạm của nhà nước, đạt tiến độ và vượt yêu cầu, đặc biệt các công trình ở xa thành phố như Lạng Sơn, Bến Tre.

Công tác quyết toán, thu hồi vốn được đảm bảo kịp thời, nhanh gọn, chính xác; Các dự án tồn đọng về công tác thanh quyết toán cơ bản được giải quyết; Hóa đơn chứng từ được kiểm soát kỹ càng đảm bảo đúng quy định, định mức, cấp phối của nhà nước rồi mới hạch toán; Công tác bảo hộ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ tại các công trình luôn được các đơn vị thi công đặt lên hàng đầu và thường xuyên kiểm tra, tập huấn cho người lao động, chính vì thế trong năm 2020 không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng nào.

– **Lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản:**

Trong năm vừa qua, công ty chỉ tập trung giải quyết hết số hàng tồn kho của các dự án đã hoàn thành.

Dự án khu nhà ở Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức (giai đoạn I) đã hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng, toàn bộ khách hàng đã hoàn thành xây dựng nhà ở, hiện nay Công ty đang phối hợp với khách hàng nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Giai đoạn II của dự án với diện tích khoảng 4,35 ha, tổng mức vốn đầu tư dự kiến hơn 1.600 tỷ đồng vẫn đang được công ty tiến hành làm các thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật.

– **Các lĩnh vực SXKD khác:**

Kinh doanh vật tư năm 2020 có mức tăng trưởng đột phá do tìm được đối tác có nhu cầu lớn với giá trị giao dịch cao.

Công tác cho thuê mặt bằng kinh doanh tại các khu chung cư thuộc quyền sử dụng của Công ty và tại trụ sở văn phòng Công ty, tuy bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, nhiều đơn vị đã thu hẹp quy mô SXKD nhưng bằng giải pháp linh hoạt, uyển chuyển cho nên tỷ lệ lấp đầy các diện tích cho thuê vẫn đảm bảo do giá cả hợp lý nên khách hàng vẫn tin tưởng và tiếp tục thuê.

Công tác quản lý, vận hành tại các cụm chung cư mà công ty có hợp đồng với các chủ đầu tư luôn đảm bảo an toàn, thông suốt và hiệu quả.

– **Công tác tổ chức nhân sự, việc làm, thu nhập của người lao động và an sinh xã hội:**

Tính đến ngày 31/12/2020, tổng số lao động có hợp đồng (cả trực tiếp và gián tiếp) là 1.789 người, mọi lao động đều được đảm bảo tất cả các quyền lợi theo quy định của pháp luật; thu nhập bình quân đầu người đạt trên 9.500.000 đ/tháng và không có lao động nào có tay nghề mà không có việc làm.

Trong năm, Hội Đồng Quản Trị đã bổ nhiệm 02 Phó Tổng Giám Đốc mới và thành lập thêm 03 xí nghiệp để đáp ứng mục tiêu và quy mô sản xuất của Công ty trải dài từ Bắc tới Nam.

Với tinh thần lá lành đùm lá rách, luôn luôn chia sẻ, chung tay gánh vác với xã hội, với cộng đồng, công ty đã dành một phần lợi nhuận của mình để thực hiện các hoạt động thiện nguyện. Trong năm 2020, công ty đã tổ chức hai chuyến đi cứu trợ, ủng hộ đồng bào miền trung bị lũ lụt do thiên tai tàn phá với số tiền 2,1 tỷ. Dịp Tết đến xuân về công ty đã ủng hộ nhiều phần quà tới các địa phương mà công ty đang hoạt động sản xuất kinh doanh để ai cũng có tết và không ai bị bỏ lại phía sau.

– **Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn của chủ sở hữu:**

Năm 2020, vốn điều lệ của công ty vẫn giữ nguyên, không thay đổi với giá trị là 149.845.500.000 đ, tương ứng với 14.984.550 cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trên sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM.

Tổng số cổ đông hiện hữu của công ty tính đến ngày chốt danh sách tham dự đại hội là : 1.345 người. Trong đó có 57 cổ đông là tổ chức, 1.288 cổ đông là cá nhân; 9 cổ đông là tổ chức nước ngoài và 129 cổ đông là cá nhân người nước ngoài.

PHẦN THỨ HAI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

I. Các khó khăn thách thức và thuận lợi trong kỳ kế hoạch:

Năm 2021 được dự báo là năm vẫn còn rất nhiều khó khăn cho SXKD trên cả bình diện quốc tế và trong nước. Đại dịch Covid-19 vẫn chưa kết thúc và đã bùng phát trở lại lần thứ 3 đối với nước ta, cả hệ thống chính trị của nhà nước Việt Nam đang tập trung mọi nguồn lực để khống chế và đẩy lùi dịch bệnh nguy hiểm này, chấp nhận hy sinh một phần về phát triển kinh tế trong ngắn hạn để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của nhân dân. Các doanh nghiệp của hầu hết mọi ngành nghề SXKD đều bị ảnh hưởng nặng nề, không có nguyên vật liệu để sản xuất, khi sản xuất được thì không có nơi tiêu thụ vì hầu hết các nước có quan hệ thương mại xuất, nhập khẩu với nước ta đều phong tỏa đất nước, đóng cửa biên giới để đối phó với dịch bệnh.

Với tính chất đặc thù của ngành xây dựng và kinh doanh BĐS, chúng ta bị tác động rất lớn khi dịch bệnh hoành hành, nếu dịch bệnh đi qua thì cũng cần một khoảng thời gian đủ dài mới phục hồi được SXKD như trước khi chưa có dịch. Hiện nay, Nhà nước đang có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp như gia hạn nộp các loại thuế, giảm các chi phí đóng bảo hiểm, giảm lãi suất vay vốn ngân hàng... để phục hồi SXKD.

Nhận định rõ các khó khăn, thách thức trong năm 2021, cũng như những thuận lợi nội tại của Công ty để biến nguy thành cơ, với mục tiêu chiến lược là ổn định, phát triển bền vững trong mọi hoàn cảnh, Ban Tổng Giám đốc Công ty chủ động xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

II. Các chỉ tiêu chủ yếu:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	% KH 2021/ So với thực hiện 2020
A	Tổng giá trị sản lượng	Tỷ đồng	2.350	2.500	106
	- Giá trị xây lắp	Tỷ đồng	2.085	2.450,5	118
	- Giá trị kinh doanh BĐS	Tỷ đồng	0	0	0
	- Giá trị kinh doanh khác	Tỷ đồng	265	49,5	19
B	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.901,9	2.091	109,94
	- Doanh thu xây lắp	Tỷ đồng	1.620,4	2.031	125,34
	- Doanh thu kinh doanh BĐS	Tỷ đồng	40,78	15	36,78
	- Doanh thu kinh doanh khác	Tỷ đồng	240,72	45	18,69
C	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	45,14	44,1	98
D	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	35,26	35,28	100,01
E	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	209,44	199	95

F	Tỷ lệ cổ tức cho một cổ phiếu	%	20	20	100
---	-------------------------------	---	----	----	-----

III. Các giải pháp cụ thể thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021:

Với Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5, để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của kỳ kế hoạch, Ban Tổng Giám đốc đề ra các giải pháp cụ thể cho các lĩnh vực như sau:

– Lĩnh vực đấu thầu và quản lý thi công xây lắp:

• Công tác tiếp thị và đấu thầu:

Tiếp thị và đấu thầu dựa vào thế mạnh, năng lực của công ty trong thực hiện các dự án về hạ tầng kỹ thuật như xây dựng các nhà máy xử lý, cung cấp nước sạch, xử lý nước thải đã có uy tín và thương hiệu trên thị trường; Chủ động trong việc lựa chọn, tìm kiếm những dự án có tính khả thi nhất của nhiều nguồn vốn khác nhau, có tính thanh khoản và thanh toán linh hoạt; Mở rộng địa bàn ra Miền Trung và chú ý đến các dự án về chống biến đổi khí hậu ở Tây Nam Bộ; Tiếp tục tuyển chọn nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, am hiểu sâu về công nghệ thông tin để tiến hành đấu thầu qua mạng; Bổ sung năng lực thiết bị thi công tiên tiến để tạo sự cạnh tranh cao trong công tác đấu thầu đồng thời giữ mối quan hệ tốt với các Chủ đầu tư truyền thống để nâng cao hiệu suất trúng thầu.

• Công tác quản lý thi công xây lắp:

Trong năm 2021, giá trị sản lượng nhận thầu xây lắp chiếm tỷ trọng lớn trong kế hoạch SXKD, do vậy việc quản lý điều hành thi công xây lắp tại các dự án phải đạt hiệu quả cao, đảm bảo tiến độ và an toàn cho người lao động là mục tiêu quan trọng nhất.

Hiện công ty đã giao quyền cho các Giám đốc Xí Nghiệp, đội trưởng Đội trực thuộc chịu trách nhiệm trước HĐQT và Ban Tổng GD về hiệu quả SXKD mà từng đơn vị được giao thực hiện.

Công tác chỉ đạo điều hành phải bám sát theo những điều khoản của hợp đồng đã ký với các chủ đầu tư; Yêu cầu về chất lượng, kỹ mỹ thuật, tiến độ và an toàn phải được quan tâm đặc biệt và đặt lên hàng đầu; Chủ động, linh hoạt cho từng dự án, biết vận hành, áp dụng khoa học kỹ thuật thi công tiên tiến, biện pháp tổ chức thi công hợp lý để tránh xảy ra lãng phí, thất thoát.

Chuyên môn hóa từng công đoạn thi công, thường xuyên bổ sung nguồn nhân lực có tay nghề cao để nâng cao năng suất lao động; Thống nhất đồng bộ và quy chuẩn trang thiết bị, bảo hộ lao động, Logo thương hiệu của công ty để quảng bá uy tín, thương hiệu SC5; Với các công trình dân dụng đòi hỏi kỹ mỹ thuật cao cần chú trọng giai đoạn hoàn thiện và công tác M-E.

Công tác thực hiện hồ sơ quản lý chất lượng, hồ sơ thanh quyết toán, thu hồi vốn là việc làm thường xuyên, liên tục trong cả quá trình xây dựng công trình, chủ động giải quyết các mối quan hệ với các bên liên quan nhằm đẩy nhanh thời gian thanh quyết toán và thu hồi vốn.

Công tác bảo hộ lao động và an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trên các công trường phải được chú trọng, quan tâm thường xuyên; Định kỳ tổ chức huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ tại nơi làm việc cho người lao động, hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro về tai nạn lao động có thể xảy ra.

– Lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản:

Tiếp tục hoàn chỉnh việc thực hiện phê duyệt các thủ tục pháp lý đầu tư giai đoạn II dự án Khu nhà ở Phường Phước Long B, TP.Thủ Đức do công ty làm Chủ đầu tư. Giám sát, ngăn chặn kịp thời các hộ dân xung quanh có hành vi lấn chiếm đất dự án đã được chính quyền sở tại ban hành và đang thực hiện tại hiện trường, đồng thời chuẩn bị sẵn các nguồn lực như vốn, nhân lực, phương tiện để khi các thủ tục pháp lý theo quy định của nhà nước được phê duyệt là thực hiện khởi công dự án ngay.

Tiếp tục phối hợp và hỗ trợ khách hàng đã xây dựng nhà trong khu quy hoạch Giai đoạn I đúng giấy phép để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu.

Dự án khu chung cư Mỹ Đức, P. 21, Q. Bình Thạnh, đã xác lập sở hữu cho khách hàng đạt 100% .

– Các lĩnh vực kinh doanh khác:

Kinh doanh vật tư thiết bị chủ yếu cung cấp cho các dự án do công ty thi công phải ổn định, giá cả phù hợp, điều kiện thanh toán theo khả năng và thỏa thuận của các bên để đảm bảo thi công công trình đúng tiến độ và chất lượng.

Chủ động và phát huy mối quan hệ với khách hàng lâu năm trong việc cho thuê văn phòng làm việc và các mặt bằng kinh doanh, chia sẻ, thương thảo giá thuê hợp lý linh hoạt trong lúc khó khăn do dịch bệnh, thiên tai gây ra, đồng thời cung cấp đầy đủ các dịch vụ theo yêu cầu chính đáng của khách hàng.

Công tác quản lý vận hành các cụm chung cư phải đặt mục tiêu an toàn và tiện lợi lên trên hết. Đơn vị quản lý vận hành trực thuộc công ty phải nỗ lực phấn đấu để đáp ứng ngày càng tốt hơn cuộc sống bình an, hạnh phúc của cư dân sở tại.

– Công tác tổ chức nhân sự và chăm lo đời sống người lao động:

Ban lãnh đạo công ty đã xác định yếu tố con người luôn là ưu tiên hàng đầu để thực hiện mục tiêu xuyên suốt là phát triển bền vững của công ty. Do vậy quan tâm đến điều kiện làm việc và tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho tập thể người lao động đã trở thành nét đẹp văn hóa của Công ty bên cạnh thương hiệu về SC5 đã được khẳng định.

Đảm bảo mọi người lao động của Công ty đều được ký hợp đồng lao động. Người lao động được thụ hưởng mọi quyền lợi và chế độ theo quy định của pháp luật hiện hành; Công ty luôn quan tâm chăm sóc, gặp gỡ và tặng quà vào các ngày quốc tế thiếu nhi 1/6, rằm trung thu, để người lao động gắn bó lâu dài, toàn tâm toàn ý hăng say lao động sản xuất, nâng cao hơn nữa năng suất lao động phục vụ cho việc thực hiện kế hoạch và mục tiêu tăng trưởng bền vững của công ty.

Với các đơn vị và Phòng ban trực thuộc Công ty, phải bố trí sắp xếp sao cho tinh gọn, hoạt động hiệu quả, phân cấp phân quyền cụ thể để các đơn vị này có tính tự chủ trong công việc nhằm đạt hiệu quả cao nhất; Kiên quyết sát nhập hoặc giải thể các đơn vị làm ăn kém hiệu quả, thua lỗ hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Phối hợp và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị xã hội như Công đoàn, Đoàn thanh niên công ty phát động các phong trào thi đua trong lao động sản xuất nhằm nâng cao tay nghề và năng suất lao động, tổ chức các cuộc thi đấu thể thao, thi tay nghề người thợ để lực lượng lao động trẻ thể hiện tinh thần phong, tinh thần xung kích trong các mặt hoạt động và thực hiện hoài bão của mình. Qua các phong trào này có thể tìm kiếm, phát hiện những người trẻ có đủ tài, đức vào các vị trí quản lý và lãnh đạo, phù hợp với định hướng phát triển của công ty.

– **Công tác tài chính:**

Tăng cường công tác giám sát sử dụng vốn và cung cấp vốn để đảm bảo công trình, dự án thi công đúng tiến độ đề ra, để công trình sớm được hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư, quyết toán nhanh giúp tăng tốc độ vòng quay vốn lưu động.

Nhanh chóng thu hồi các khoản nợ phải thu, đảm bảo dòng tiền luân chuyển nhanh trong việc thực hiện thi công các dự án, nhằm giảm dư nợ vay ngân hàng từ đó tạo cơ hội giảm chi phí lãi vay để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Lập báo cáo tài chính kịp thời, đúng thời gian quy định; Đảm bảo cung cấp kịp thời thông tin kết quả SXKD cũng như tình hình tài chính của đơn vị cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc.

Bên cạnh nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn thanh toán từ các công trình, bộ phận tài chính công ty chủ động làm việc với các đối tác ngân hàng và tổ chức tín dụng bằng các hợp đồng hạn mức tín dụng nhằm cung cấp đủ vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Cân đối nguồn tài chính đáp ứng yêu cầu về vốn triển khai các dự án theo yêu cầu của chủ đầu tư khi tham gia đấu thầu cũng như đảm bảo định tiền để triển khai các dự án được liên tục, đảm bảo tiến độ thi công.

Kính thưa quý vị cổ đông!

Trên đây là Bản báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và định hướng xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021 của Ban Tổng Giám Công Ty CPXD Số 5 kính trình Đại Hội.

Chúng tôi rất mong muốn nhận được ý kiến đóng góp tích cực, chân thành, thẳng thắn của toàn thể quý vị cổ đông để các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021 được chính xác, cụ thể, thiết thực, sát với tình hình chung của đất nước trong giai đoạn hiện nay và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty, có tính khả thi và hiệu quả cao nhất. Tập thể Ban Tổng Giám Đốc xin hứa với quý vị sẽ đoàn kết một lòng, chung tay góp sức trong công tác quản lý, điều hành để các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch SXKD năm 2021 được hoàn thành tốt đẹp và mỹ mãn.

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc Công Ty, tôi xin chân thành cảm ơn toàn thể quý vị cổ đông, các cơ quan, ban ngành, các đối tác; Cảm ơn toàn thể người lao động trong công ty đã nỗ lực phấn đấu không mệt mỏi để có được kết quả như hôm nay.

Xin kính chúc quý cổ đông nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng !

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
TỔNG GIÁM ĐỐC *Phạm Văn Từ*
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG SỐ 5
Đ. BÌNH THẠNH - TP. HỒ CHÍ MINH
Phạm Văn Từ
PHẠM VĂN TỪ



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2020)

Kính Gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên Năm 2021

Căn cứ luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của ban kiểm soát đã được qui định tại điều 168 & 169 luật doanh nghiệp 2020 và điều lệ hoạt động của Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5.

Căn cứ nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5 thông qua ngày 01 tháng 06 năm 2020.

Căn cứ vào tình hình SXKD và báo cáo tài chính năm 2020 của Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5 đã được kiểm toán soát xét bởi Công Ty kiểm toán DFK Việt Nam .

Ban kiểm soát xin báo cáo trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2020, sự tuân thủ luật pháp của nhà nước, chấp hành nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công Ty Cp XD Số 5 như sau.

I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH - BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2020:

Căn cứ số liệu báo cáo tài chính năm 2020 của Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5 đã được kiểm toán soát xét bởi Công Ty kiểm toán DFK Việt Nam và qua công tác soát xét, ban kiểm soát kính trình đại hội số liệu báo cáo chủ yếu như sau :

Năm 2020 doanh thu thuần đạt được toàn công ty là : 1.901,897 tỷ VNĐ hoàn thành 94 % kế hoạch năm 2020 (*KH DT thuần 2020 là : 2.024,545 tỷ đồng*) và giảm 15 % so với năm 2019 (*Năm 2019 doanh thu thuần đạt : 2.235,132 tỷ*).

Lợi nhuận sau thuế đạt được : 35,259 tỷ hoàn thành 166,7 % kế hoạch năm 2020 (*Kế hoạch năm 2020 là : 21,150 tỷ*) và tăng : 4,4 % so với lợi nhuận sau thuế năm 2019 (*lợi nhuận sau thuế năm 2019 là : 33,769 tỷ đồng*).

Một Số Chỉ Tiêu Tài Chính Cơ Bản:

Số TT	Chỉ Tiêu	Năm 2020	Năm 2019
1	Chỉ Tiêu Về Khả Năng Thanh Toán		
a	Hệ số thanh toán hiện hành (<i>lần</i>)	1,16	1,26
b	Hệ số thanh toán tức thời (<i>lần</i>)	0,19	0,27
c	Hệ số thanh toán nhanh (<i>lần</i>)	0,91	0,95
2	Chỉ Tiêu Về Cơ Cấu Vốn		
a	Hệ số nợ phải trả so với Tổng tài sản (<i>lần</i>)	0,84	0,79
b	Hệ số vốn chủ sở hữu so với Tổng nguồn vốn %	16,1	20,6
3	Chỉ Tiêu Về Khả Năng Sinh Lợi		
a	ROE (Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu) %	10,1	9,7
b	ROA (Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản) %	1,62	2,0
4	Lãi Cơ Bản Trên Mỗi Cổ Phiếu (đồng)	2.353	2.006

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC & THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA CÔNG TY

1. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC :

a. Thực hiện luật thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước :

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 tình hình kê khai và nộp thuế vào ngân sách nhà nước của Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5 đã tuân thủ đúng theo qui định của nhà nước. Tổng số thuế và các khoản còn phải nộp ngân sách nhà nước của công ty là: 31.987.200 đ.

b. Thực hiện công bố thông tin :

Năm 2020 công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, kịp thời, chính xác việc công bố các thông tin của doanh nghiệp quy định của UBCK nhà nước và sở giao dịch chứng khoán Tp HCM.

2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUI ĐỊNH CHUNG CỦA CÔNG TY

a. Tình hình nhân sự, tiền lương đối với người lao động :

Tổng số lao động tham gia sản xuất gián tiếp và trực tiếp toàn công ty tính đến 31/12/2020 là: 789 người, trong đó lao động gián tiếp và cán bộ quản lý là: 382 người, người lao động trực tiếp là : 407 người. Tất cả đều được ký hợp đồng lao động và có tham gia đóng bảo hiểm, công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của nhà nước. Tiền lương thu nhập bình quân tháng của người lao động toàn công ty là: 9.500.000 đ/người/tháng.

b. Tình hình công nợ :

Đến thời điểm 31/12/2020 tổng dư nợ phải thu (ngắn hạn và dài hạn) của khách hàng toàn công ty là: 1.253 tỷ 762 triệu VNĐ tăng 50,57 % so với năm 2019 là : 832 tỷ 667 triệu VNĐ phần lớn là các khoản nợ phải thu từ các công trình đã quyết toán hoặc đang thi công của công ty, các khoản nợ này đều được khách hàng xác nhận. Tình hình công nợ của công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ và có tính an toàn, thanh khoản cao. (Xem thuyết minh báo cáo tài chính mục 5 trang 13; mục 7 và 8 trang 16)

c. Tình hình lập dự phòng :

Trong năm 2020 công ty tiến hành trích lập dự phòng theo đúng quy định chủ yếu là dự phòng phải trả dài hạn. Số tiền trích lập dự phòng lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2020 là : 15 tỷ 364 triệu VNĐ (Đây là số tiền trích lập bảo hành các công trình XD theo qui định của nhà nước) là : (Xem thuyết minh báo cáo tài chính mục 17 trang 19)

3. THỰC HIỆN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY VÀ NQĐH CỔ ĐÔNG

Căn cứ nghị quyết số : 342/NQ – ĐHCĐTN2020 của đại hội cổ đông thường niên năm 2020 được tổ chức vào ngày 01 tháng 06 năm 2020 của Công Ty Cổ Phần XD Số 5, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện các nội dung sau :

+ Trả cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt tỷ lệ 20% (2.000 đ/cổ phiếu)

Công ty đã tiến hành chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2019 theo nghị quyết của đại hội vào ngày 28/07/2020

+ Chi trả thù lao cho HĐQT và BKS :

Trong năm 2020, công ty đã chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và ban kiểm soát theo đúng tỷ lệ được phép chi và đã được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua là 5% lợi nhuận trước thuế ; Số tiền được phép chi trong năm 2020 là : 2 tỷ 257 triệu VNĐ; Số tiền đã chi : 1 tỷ 896 triệu VNĐ bằng 84 % số tiền được phép chi, công ty đã hạch toán số tiền thù lao đầy đủ và đúng qui định theo luật kế toán hiện hành.

+ Chọn công ty kiểm toán:

Thực hiện nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, HĐQT và BKS công ty đã chọn công ty kiểm toán DFK Việt Nam làm nhiệm vụ thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cả năm 2020.

+Trách nhiệm của các thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc điều hành và cán bộ quản lý

Trong năm tài chính 2020, các thành viên HĐQT và ban TGD đã tuân thủ, chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật của nhà nước, điều lệ công ty, nghị quyết đại hội cổ đông vào công tác quản trị, điều hành, quản lý hoạt động SXKD của công ty, BKS chưa thấy có những biểu hiện nào về vi phạm các qui định, qui chế trong quản lý, điều hành của ban lãnh đạo đơn vị.

III. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020:

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của ban kiểm soát đã được quy định tại điều 168 & 169 luật doanh nghiệp 2020 và điều lệ Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5. BKS đã tiến hành thực hiện các công việc của mình theo chức trách, nhiệm vụ được giao một cách độc lập, khách quan, nghiêm túc, kịp thời, chính xác.

Trong năm 2020 BKS đã tổ chức 04 cuộc họp (trừ các cuộc đột xuất) và có đủ các thành viên tham dự với nội dung chủ yếu là phân tích, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, phân tích, đánh giá báo cáo tài chính hàng quý, cả năm và các vấn đề khác mà HĐQT và ban TGD đề ra, BKS nhận thấy mọi vấn đề trong công tác điều hành và quản trị công ty đều công khai, minh bạch, hiệu quả phù hợp với các qui định của nhà nước và luôn bám sát nghị quyết của ĐHCĐ. Mặc dù bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch covid 2019 hồi đầu năm, cả nước phải thực hiện giãn cách xã hội trong nhiều ngày, nhưng khi tình hình dịch bệnh được khống chế thì công ty bắt tay ngay vào tăng tốc thi công để bù đắp giá trị sản lượng cho những ngày ngừng thi công, tuy một số chỉ tiêu kinh tế có giảm đôi chút so với kế hoạch đề ra nhưng nhìn chung tình hình sản xuất kinh doanh của công ty vẫn ổn định, bền vững, sử dụng vốn tiết kiệm , đúng mục đích, hiệu quả cao .

Đánh giá về tình hình tài chính, tình hình hoạt động SXKD và công tác kế toán trong năm 2020 BKS nhận thấy tình hình tài chính công ty vẫn lành mạnh, thanh khoản tốt, giá trị tổng tài sản năm 2020 tăng 28,7 % so với năm 2019 trong đó (các khoản phải thu ngắn hạn tăng 51% , giá trị hàng tồn kho tăng 11,3 %) ; Tổng nguồn vốn tăng 29 % so với năm 2019 trong đó vốn chủ sở hữu tăng 0,5 % điều đó chứng tỏ mặc dù dịch bệnh nhưng tình hình SXKD của công ty vẫn tăng trưởng, phát triển ổn định, bền vững; Công tác kế toán nhanh gọn, chính xác phù hợp chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành .

Trong năm 2020 thù lao của BKS đã được HĐQT phân bổ là : **336 triệu đồng** .

BKS luôn luôn phối hợp nhịp nhàng với HĐQT, ban TGD trong công việc chung.

Trong năm qua BKS không nhận được đơn thư khiếu kiện, tố cáo nào của cổ đông liên quan đến công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh và sử dụng tài sản, tiền vốn tại Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5.

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

I, Nhận xét:

Năm 2020 là một năm vô cùng khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế nước ta do đại dịch Covid 19 hoành hành, cả đất nước có những ngày tháng phải cùng nhau sống trong giãn cách, cách ly xã hội, khiến cho sản xuất bị ngưng trệ, đình đốn không hoạt động SXKD được, chính phủ đã có hàng loạt các giải pháp đột phá để điều hành kích thích nền kinh tế, điều chỉnh lại các định chế để giúp các doanh nghiệp phục hồi SX. Tuy nhiên do dịch bệnh trên toàn thế giới vẫn chưa được khống chế và có thuốc đặc trị khiến hoạt động xuất nhập khẩu gặp nhiều khó khăn, lưu thông hàng hoá bị ứ

động, nhiều doanh nghiệp vẫn chưa thể trở lại hoạt động bình thường như hàng không, du lịch... Tuy nhiên bằng sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và sự quyết tâm của toàn đảng, toàn dân và toàn quân cho nên trong năm 2020 Việt Nam là một trong số ít nước trên thế giới thành công trong việc thực hiện thành công mục tiêu kép, vừa khống chế được dịch bệnh vừa duy trì sản xuất và có tăng trưởng dương (GDP tăng 2,92 %), chỉ số giá tiêu dùng CPI được khống chế dưới 4 %, hệ thống tài chính, ngân hàng trong nền kinh tế được duy trì ổn định, lãi suất ngân hàng ít biến động và được điều chỉnh linh hoạt theo chỉ đạo của chính phủ, vốn đầu tư nước ngoài FDI vẫn chảy vào Việt Nam. Trong bối cảnh thuận lợi, khó khăn đan xen, ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ viên chức Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5 đã đoàn kết, chung sức, đồng lòng phấn đấu lao động sản xuất để đạt được kết quả kinh doanh như trình bày ở trên.

2, Kiến nghị:

Tiếp tục xây dựng, phát triển bền vững đi cùng với công tác sắp xếp, kiện toàn bộ máy quản lý toàn công ty từ phòng ban đến các đơn vị thành viên sao thật tinh gọn, hiệu quả cao, chú trọng công tác quản trị để hạn chế rủi ro, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Bước vào năm 2021 đất nước ta nói riêng và cả thế giới nói chung vẫn đang đứng trước thử thách vô cùng khó khăn, vất vả đó là phải chiến đấu với kẻ thù vô hình (Con virut Covid 19). Ngoài ra những diễn biến về chính trị và thương mại trên thế giới xảy ra rất nhanh và mau lẹ, khó đoán định; Tuy vậy chúng ta cũng có nhiều thuận lợi là Đại Hội Đảng toàn quốc lần thứ 13 thành công rất tốt đẹp, đại hội đã thổi một luồng sinh khí mới vào sự phát triển của đất nước, đại hội đã chọn và bầu ra được những đồng chí lãnh đạo chủ chốt vừa có tâm, có tầm, có tài đủ sức gánh vác đưa nước ta đẩy lùi được dịch bệnh và phát triển mạnh trong năm 2021 và các năm tiếp theo. Đứng trước những dự báo đó chúng ta cần xây dựng kế hoạch SXKD cho năm 2021 phải sát với tình hình thực tế, phải có những đánh giá tác động và dự báo chính xác, linh hoạt, kịp thời để kết quả SXKD đạt hiệu quả cao nhất, đảm bảo an toàn vốn .

Trên đây là báo cáo của BKS về việc chấp hành chế độ chính sách pháp luật của nhà nước, điều lệ của công ty, kết quả SXKD, tình hình tài chính năm 2020 của Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5 trình đại hội. Xin kính chúc quý cổ đông thật nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng!

Các Thành Viên BKS

Lê Thụy Thanh Quyên



Vũ Thị Hằng



T/M BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban



Vũ Văn Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

---oOo---

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/TT - ĐHCĐTN2021

-----oOo-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu cho kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

1. Kế hoạch giá trị tổng sản lượng SXKD ước đạt: **2.500 tỷ đồng**. Trong đó:
 - Giá trị xây lắp ước đạt: 2.450,5 tỷ đồng;
 - Giá trị kinh doanh nhà ước đạt: 0 tỷ đồng;
 - Giá trị kinh doanh khác ước đạt: 49,50 tỷ đồng;
2. Kế hoạch doanh thu ước đạt: **2.091 tỷ đồng**. Trong đó:
 - Doanh thu xây lắp ước đạt: 2.031 tỷ đồng;
 - Doanh thu kinh doanh BĐS ước đạt: 15 tỷ đồng;
 - Doanh thu kinh doanh khác ước đạt: 45 tỷ đồng;
3. Kế hoạch lợi nhuận trước thuế: **44,10 tỷ đồng**; lợi nhuận sau thuế: **35,28 tỷ đồng**.
4. Mức chia cổ tức dự kiến cho năm tài khóa 2021: **20%/cổ phần**.
5. Kế hoạch nộp ngân sách nhà nước: **199 tỷ đồng**.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết chấp thuận.

Trân trọng.



NGUYỄN KINH KHA



TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

(V/v Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2020)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5;
- Căn cứ tình hình thực hiện SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 bởi Công ty TNHH Kiểm Toán DSK Việt Nam;

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận phương án phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ, chia cổ tức cho năm tài chính 2020 như sau:

1. Lợi nhuận trước thuế năm 2020	: 45.141.614.942 đồng
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	: 9.882.192.303 đồng
3. Lợi nhuận sau thuế	: 35.259.422.639 đồng
4. Trích quỹ khen thưởng (15% LN sau thuế)	: 5.288.913.396 đồng
5. Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ	: 29.970.509.243 đồng
6. Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt (20% vốn điều lệ)	: 29.966.998.000 đồng
7. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2020	: 3.511.243 đồng

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận để Hội Đồng Quản Trị Công ty có cơ sở triển khai phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.

Trân trọng!



NGUYỄN KINH KHA



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

---oOo---

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----ooOoo-----

Số: 03/TT-ĐHCĐTN2021

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
(V/v Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5.

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị được chọn 01(một) công ty kiểm toán cho các báo cáo tài chính năm 2021 trong danh sách 03 (ba) công ty kiểm toán đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận cho phép kiểm toán các tổ chức niêm yết năm 2021 như sau:

1. Công Ty TNHH Kiểm Toán DFK Việt Nam;
2. Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC;
3. Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư vấn A&C;

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận để Hội Đồng Quản Trị Công ty có cơ sở chọn một công ty kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2021.

Trân trọng!



NGUYỄN KINH KHA



TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Sửa đổi, bổ sung và bỏ ngành nghề kinh doanh cho phù hợp với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 ;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5;
- Căn cứ Quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/07/2018 quy định chi tiết Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Ngày 06/7/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Để cập nhật Ngành nghề kinh doanh theo hệ thống ngành mới, Hội đồng quản trị Công ty CP Xây Dựng số 5 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung và bỏ ngành nghề kinh doanh như sau:

1. Bỏ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú
1	Truyền tải và phân phối điện	3512	
2	Xây dựng công trình đường sắt	4211	
3	Xây dựng công trình đường bộ	4212	
4	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
6	Xây dựng nhà để ở	4101	
7	Xây dựng nhà không để ở	4102	

2. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được điều chỉnh	Mã ngành	Ghi chú
1	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí chi tiết: Lắp đặt vật tư, thiết bị hệ thống xử lý cấp nước, thoát nước; hệ thống xử lý nước thải công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4322	
2	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng.	7730	
3	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh, diệt côn trùng, chống mối mọt (trừ xông hơi, khử trùng).	8129	

3. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh huỷ bỏ	Mã ngành	Ghi chú
1	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510	
2	Xây dựng công trình công ích	4220	
3	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210	
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290	

4. Sửa Khoản 1, Điều 4 trong Điều lệ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5 như sau:

1. Ngành, nghề kinh doanh của công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn kim loại và quặng kim loại chi tiết: Kinh doanh cấu kiện kim loại	4662
2	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống báo cháy - chữa cháy, hệ thống chống trộm, camera quan sát, hệ thống thang máy, hệ thống điều hoà không khí, hệ thống khí y tế, thiết bị y tế; lắp đặt thùng bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
3	Truyền tải và phân phối điện	3512
4	Phá dỡ	4311
5	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp, san nền	4312

6	Xây dựng công trình công ích khác	4229
7	Sửa chữa thiết bị điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
8	Sửa chữa máy móc, thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
9	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
10	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí chi tiết: Lắp đặt vật tư, thiết bị hệ thống xử lý cấp nước, thoát nước; hệ thống xử lý nước thải công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4322
11	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản - Định giá bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản - Tư vấn bất động sản - Đấu giá bất động sản - Quảng cáo bất động sản - Quản lý bất động sản	6820
12	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết : Đo đạc bản đồ. Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước. - Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp. - Thiết kế hệ thống điện các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật. - Tư vấn lập dự án, tư vấn đấu thầu công trình.	7110
13	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết : Dịch vụ giữ xe	5229
14	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Dịch vụ tư vấn môi trường	7490
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: mua bán vật tư, thiết bị hệ thống xử lý cấp nước, thoát nước; hệ thống xử lý nước thải công nghiệp. Mua bán vật tư ngành nước. - Bán buôn thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại, hệ thống tín hiệu, cáp quang, cáp truyền hình.	4669
16	Thoát nước và xử lý nước thải chi tiết: Lắp đặt công trình xử lý nước thải (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3700
17	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất trong khu dân cư tập trung)	2392
18	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Sản xuất vật tư thiết bị; Sản xuất, gia công vật tư, thiết bị hệ thống xử lý cấp nước, thoát nước; hệ thống xử lý nước thải công nghiệp (không sản xuất trong khu dân cư tập trung)	3290
19	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng.	7730
20	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
21	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết : Trang trí nội thất, mộc xây dựng	7410
22	Xây dựng công trình đường sắt	4211

23	Xây dựng công trình đường bộ	4212
24	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết : xây dựng và lắp đặt công trình điện, nước. Thi công lắp đặt hệ thống thiết bị cơ điện lạnh. - Lắp đặt hệ thống thông tin tín hiệu, cáp quang, cáp truyền hình (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
25	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết : (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) - Lắp đặt và tháo dỡ các loại cầu trục và thiết bị nâng hạ. - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
26	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết : Kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng	4663
27	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết : Sản xuất cấu kiện kim loại.	2511
28	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết : Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Cho thuê mặt bằng. Cho thuê nhà, văn phòng. Kinh doanh bất động sản.	6810
29	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh, diệt côn trùng, chống mối mọt (trừ xông hơi, khử trùng).	8129
30	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết : Thi công khoan cọc nhồi; đóng, ép cọc bê tông cốt thép (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 35KV. - Đập phá, sửa chữa công trình. Xây dựng và lắp đặt các công trình đường dây và trạm biến thế trên 35KVA	4390
31	Đại lý du lịch Chi tiết : Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế.	7911
32	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết : Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở)	2592
33	Xây dựng nhà để ở	4101
34	Xây dựng nhà không để ở	4102

5. Giao cho Ông PHẠM VĂN TỪ (người đại diện theo pháp luật) tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết chấp thuận.

Trân trọng.


NGUYỄN KINH KHA



TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5.

Hiện nay, các quy định mới về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng đã có hiệu lực thi hành, cụ thể: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Để phù hợp các quy định trên, Hội đồng quản trị Công ty CP Xây Dựng số 5 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua:

1. Dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần xây dựng số 5 được lập theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (*Dự thảo Điều lệ Công ty đính kèm*).

2. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được lập theo mẫu Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (*Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đính kèm*).

3. Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được lập theo mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (*Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm*).

4. Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được lập theo mẫu Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (*Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát đính kèm*).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết chấp thuận.

Trân trọng.


TM.HỢP ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG SỐ 1
Đ. BÌNH THẠNH - T.P. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Kinh Kha
NGUYỄN KINH KHA



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

---oOo---

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06/TT - ĐHCĐTN2021

-----oOo-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Các vấn đề khác cần thông qua tại Đại hội

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 ;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua các vấn đề sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DSK Việt Nam.
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021.
3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính năm 2020.
5. Mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 cho năm tài chính 2021: 05% lợi nhuận trước thuế năm 2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết chấp thuận.

Trân trọng.



NGUYỄN KINH KHA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5



- TRỤ SỞ :137 LÊ QUANG ĐỊNH - P.14 – QUẬN BÌNH THẠNH - TP. HỒ CHÍ MINH
- ĐIỆN THOẠI : 028 62 583 425
- FAX : 028 62 583 426

TP.HCM, Tháng 04 năm 2021

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	3
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12. Quyền của cổ đông	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 17. Thay đổi các quyền	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	18

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	23
Điều 22. Thẩm quyền và thê thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	27
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	29
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	31
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	32
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	34
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	35
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	35
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	36
Điều 34. Người điều hành Công ty	36
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	36
IX. BAN KIỂM SOÁT	37
Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	37
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	37
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	38
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	39
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	40
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	40
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU	40

HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 41

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 42

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 42

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 42

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 43

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn 43

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 43

Điều 46. Phân phối lợi nhuận 43

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 44

Điều 47. Tài khoản ngân hàng 44

Điều 48. Năm tài chính 44

Điều 49. Chế độ kế toán 45

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 45

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 45

Điều 51. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 45

Điều 52. Kiểm toán 45

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 46

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp 46

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 46

Điều 54. Giải thể công ty 46

Điều 55. Gia hạn hoạt động 46

Điều 56. Thanh lý 47

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 47

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ 47

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 48

Điều 58. Điều lệ công ty 48

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

48

Điều 59. Ngày hiệu lực

48

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung lần thứ 11 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 được tổ chức chính thức vào ngày 28 tháng 4 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. **Vốn điều lệ** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. **Vốn có quyền biểu quyết** là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. **Luật Doanh nghiệp** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d. **Luật Chứng khoán** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

e. **Việt Nam** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

f. **Ngày thành lập** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g. **Người điều hành doanh nghiệp** là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h. **Người quản lý doanh nghiệp** là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i. **Người có liên quan** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

j. **Cổ đông** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

k. **Cổ đông sáng lập** là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

l. **Cổ đông lớn** là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m. **Thời hạn hoạt động** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

n. **Sở giao dịch chứng khoán** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

o. **Công ty** là Công ty cổ phần xây dựng số 5

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: CONSTRUCTIONS JOINT STOCK COMPANY No.5
- Tên Công ty viết tắt: CJSC5

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: 137 Lê Quang Định – Phường 14 – Quận Bình Thạnh – TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 62583425
- Fax: (028) 62583426
- E-mail: sc5@sc5.vn
- Website: www.sc5.vn

4. Công ty có thể thành lập các công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty. Hội đồng quản trị quyết định vấn đề này.
2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:
 - a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;
 - b. Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Công ty phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
5. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác

thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty .

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn kim loại và quặng kim loại chi tiết: Kinh doanh cấu kiện kim loại	4662
2	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống báo cháy - chữa cháy, hệ thống chống trộm, camera quan sát, hệ thống thang máy, hệ thống điều hòa không khí, hệ thống khí y tế, thiết bị y tế; lắp đặt thùng bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
3	Truyền tải và phân phối điện	3512
4	Phá dỡ	4311
5	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp, san nền	4312
6	Xây dựng công trình công ích khác	4229
7	Sửa chữa thiết bị điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
8	Sửa chữa máy móc, thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
9	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
10	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí chi tiết: Lắp đặt vật tư, thiết bị hệ thống xử lý cấp nước, thoát nước; hệ thống xử lý nước thải công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4322
11	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản - Định giá bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản - Tư vấn bất động sản - Đấu giá bất	6820

	động sản - Quảng cáo bất động sản - Quản lý bất động sản	
12	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết : Đo đạc bản đồ. Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước. - Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp. - Thiết kế hệ thống điện các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật. - Tư vấn lập dự án, tư vấn đấu thầu công trình.	7110
13	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết : Dịch vụ giữ xe	5229
14	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Dịch vụ tư vấn môi trường	7490
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: mua bán vật tư, thiết bị hệ thống xử lý cấp nước, thoát nước; hệ thống xử lý nước thải công nghiệp. Mua bán vật tư ngành nước. - Bán buôn thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại, hệ thống tín hiệu, cáp quang, cáp truyền hình.	4669
16	Thoát nước và xử lý nước thải chi tiết: Lắp đặt công trình xử lý nước thải (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3700
17	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất trong khu dân cư tập trung)	2392
18	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Sản xuất vật tư thiết bị; Sản xuất, gia công vật tư, thiết bị hệ thống xử lý cấp nước, thoát nước; hệ thống xử lý nước thải công nghiệp (không sản xuất trong khu dân cư tập trung)	3290
19	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng.	7730
20	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
21	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết : Trang trí nội thất, mộc xây dựng	7410
22	Xây dựng công trình đường sắt	4211
23	Xây dựng công trình đường bộ	4212
24	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết : xây dựng và lắp đặt công trình điện, nước. Thi công	4321

	lắp đặt hệ thống thiết bị cơ điện lạnh. - Lắp đặt hệ thống thông tin tín hiệu, cáp quang, cáp truyền hình (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	
25	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết : (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) - Lắp đặt và tháo dỡ các loại cầu trục và thiết bị nâng hạ. - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
26	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết : Kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng	4663
27	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết : Sản xuất cấu kiện kim loại.	2511
28	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết : Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Cho thuê mặt bằng. Cho thuê nhà, văn phòng. Kinh doanh bất động sản.	6810
29	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh, diệt côn trùng, chống mối mọt (trừ xông hơi, khử trùng).	8129
30	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết : Thi công khoan cọc nhồi; đóng, ép cọc bê tông cốt thép (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 35KV. - Đập phá, sửa chữa công trình. Xây dựng và lắp đặt các công trình đường dây và trạm biến thế trên 35KVA	4390
31	Đại lý du lịch Chi tiết : Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế.	7911
32	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết : Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở)	2592
33	Xây dựng nhà để ở	4101
34	Xây dựng nhà không để ở	4102

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh ngày càng lớn mạnh nhằm mục tiêu tạo ra các sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông, nhà đầu tư và

người lao động của Công ty đồng thời đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tăng lợi ích cho cộng đồng.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **149.845.500.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín tỷ, tám trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm ngàn đồng).**

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 14.984.550 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần, bao gồm cổ phần phổ thông và các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ

do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán

được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới, tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ

phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ;
- p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất

cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mọi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung

chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những

người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp :

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có

quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa

thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải có tối thiểu 01 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của

Công ty trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số

thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo

quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao

dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát,

hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên

quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với

Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của

Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xây dựng số 5 nhất trí thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TP.Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Từ

Tp.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần xây dựng số 5;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần công ty cổ phần xây dựng số 5;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng số 5 bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty

theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có năm (05) thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì

và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

- c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có

thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức

hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

– Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

– Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

– Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với

hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của

cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

f. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến

của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến

việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến

lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng số 5 bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. .tháng.. .năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Tp.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần công ty cổ phần xây dựng số 5
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần xây dựng số 5
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần công ty cổ phần xây dựng số 5 bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
 - Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong

các trường hợp sau:

- + Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - + Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - + Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - + Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - + Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều lệ Công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
 - Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều lệ Công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- b. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp.
- Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- c. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- d. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.
- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông

bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Phiếu biểu quyết;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

e. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông.

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - + Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;
 - + Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - + Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

f. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy

quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

g. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.

- Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

h. Điều kiện tiến hành.

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

i. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - + Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - + Định hướng phát triển công ty;
 - + Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- + Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- + Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- + Tổ chức lại, giải thể công ty.

j. Cách thức bỏ phiếu;

- Khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đều nhận được các Thẻ Biểu quyết và Phiếu Biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
- Hình thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bao gồm:
 - + Bỏ Phiếu kín;
 - + Biểu quyết công khai.
- Đối với các nội dung biểu quyết được Đại hội đồng cổ đông quyết định biểu quyết bằng cách bỏ phiếu kín, mỗi cổ đông dự họp sẽ nhận 01 Phiếu biểu quyết bao gồm các nội dung cần thông qua tại Đại hội. Cổ đông sẽ biểu quyết bằng cách đánh dấu X vào ô lựa chọn (Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến) và ký tên vào ô chữ ký cổ đông.
- Đối với các nội dung biểu quyết được Đại hội đồng cổ đông quyết định biểu quyết công khai như: Chương trình đại hội; Quy chế tổ chức Đại hội; Ban Thư ký; Ban Kiểm phiếu; Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình lên. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

k. Cách thức kiểm phiếu.

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
- Phiếu biểu quyết khi được cổ đông hoặc đại diện cổ đông bỏ phiếu sẽ được tập hợp và lưu trữ trong thùng phiếu. Thùng phiếu sẽ được khóa, niêm phong từ trước thời điểm bỏ phiếu cho đến khi kết thúc thời điểm bỏ phiếu và do Ban kiểm phiếu quản lý.
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và tổ chức kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; Giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- + Các nội dung biểu quyết;
- + Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ;
- + Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết;
- + Các nội dung đã được thông qua;
- + Họ và tên, chữ ký của tất cả các thành viên của Ban kiểm phiếu.

l. Điều kiện để nghị quyết được thông qua.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo các quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.

m. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

n. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Quy định tại Điều 24 của Điều lệ Công ty và quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

o. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Quy định tại Điều 23 của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

p. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Quy định theo Điều 22 Điều lệ Công ty

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến: Theo Quy chế hướng dẫn về việc bỏ phiếu điện tử của Công ty khi Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến: Theo Quy chế hướng dẫn về việc bỏ phiếu điện tử của Công ty khi Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công

ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - + Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - + Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - + Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - + Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - + Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - + Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - + Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - + Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - + Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - + Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - + Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- + Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - + Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - + Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - + Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - + Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:
- a. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
 - Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
 - b. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.
 - Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - + Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - + Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - + Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
 - Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - + Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liên trước đó;

- + Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- + Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- + Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- + Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liên trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

c. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

d. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.
 - Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.
 - Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu và phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong đó, các ứng viên cho vị trí thành viên độc lập Hội đồng quản trị sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định, việc chọn các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên cho vị trí Thành viên Hội đồng quản trị độc lập và không độc lập còn lại).
 - Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị phải có ít nhất 01 (một) phiếu bầu.
 - Trường hợp có 02 (hai) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chế Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc Điều lệ Công ty.
- e. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;
- Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - + Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - + Có đơn từ chức;
 - + Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - + Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - + Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - + Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - + Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

f. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ và các quy định của Luật Doanh nghiệp.

g. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.

- Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- + Trình độ chuyên môn;

- + Quá trình công tác;

- + Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

- + Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

- + Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

h. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

- Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 - Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
 - Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:
- a. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm.
 - Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
 - b. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - + Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - + Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - + Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - + Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
 - c. Thông báo họp Hội đồng quản trị.
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 - Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
 - d. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát.

- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

e. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

f. Cách thức biểu quyết.

- Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - + Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - + Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều lệ Công ty;
 - + Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - + Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - + Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

g. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

h. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

i. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị.

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Thời gian, địa điểm họp;

- + Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - + Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - + Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - + Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - + Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - + Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - + Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị
 - Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
 - Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 - j. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;
 - Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.
 - k. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - Công ty phải thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết Hội đồng quản trị theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
- Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định

của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

- Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:
- Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
 - Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
 - Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - + Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - + Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - + Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - + Tham dự các cuộc họp;
 - + Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - + Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - + Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - + Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - + Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - + Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.
Quy định cụ thể tại Điều 39 Điều lệ Công ty.
2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát;
Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- b. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;
Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
+ Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
+ Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- c. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;
– Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.
– Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
- d. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;
– Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.
– Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát.
– Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
– Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
– Ứng viên trúng cử thành viên Ban kiểm soát phải có ít nhất 01 (một) phiếu bầu.
– Trường hợp có 02 (hai) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc Điều lệ Công ty.
- e. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.
– Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- + Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;
- + Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- + Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - + Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - + Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - + Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - + Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- f. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;
Công ty phải thực hiện công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
- g. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.
 - Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:
 - + Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
 - + Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
 - + Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;
 - Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
 - Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- + Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - + Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - + Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - + Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - + Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - + Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - + Tuyển dụng lao động;
 - + Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - + Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc
- a. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc
 - Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 - b. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc
Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc
 - c. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;
Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
 - d. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.
Công ty phải thực hiện công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
 - e. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.
Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

- a. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;
- Cuộc họp định kỳ giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đồng thời là cuộc họp định kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị.
 - Nội dung cuộc họp định kỳ hàng quý bao gồm: Báo cáo đánh giá tình hình, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, kết quả đạt được, những vấn đề tồn tại cần khắc phục và các vấn đề phát sinh cần giải quyết khác (nếu có) của Công ty.
 - Hội đồng quản trị cũng có thể tổ chức họp bất thường giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc vào những thời điểm khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty.
 - Thời gian, địa điểm, thông báo mời họp, nội dung, chương trình họp, các tài liệu có liên quan và các vấn đề khác được thực hiện theo các quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.
- b. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.
- Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.
 - Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
 - Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát
- c. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc.
- Công ty phải công bố thông tin nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc trong vòng 24 giờ kể từ khi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực.
- d. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.
- Các trường hợp Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị:
 - + Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc hành vi vi phạm điều lệ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác;
 - + Nhận được thông báo khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu

- ít nhất 1% số cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 1 Điều 166 Luật doanh nghiệp;
- + Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu;
 - + Các vấn đề khác được Tổng Giám đốc hoặc Ban kiểm soát xác định là cần thiết đối với hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty.
- e. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
- Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện và kết quả hoạt động đối với nhiệm vụ và quyền hạn được giao bởi Hội đồng quản trị. Việc báo cáo phải được thực hiện định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Hội đồng quản trị;
 - Trường hợp nhận được yêu cầu của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải lập báo cáo và gửi đến Hội đồng quản trị trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.
- f. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.
- Việc kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề được ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc được tiến hành tại cuộc họp định kỳ giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.
 - Hàng quý, sáu tháng và hàng năm, Hội đồng quản trị kiểm tra và đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các nội dung ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện hoặc tổ chức thực hiện.
 - Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có tham khảo ý kiến từ Ban Kiểm soát.
- g. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền phải báo cáo và cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ngay khi Công ty xảy ra một trong các sự kiện sau:
 - + Tài khoản bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;
 - + Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- + Có quyết định khởi tố đối với các cán bộ quản lý cấp cao; Có bản án, quyết định của tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc vi phạm pháp luật về thuế.
 - Các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
 - Các báo cáo, tài liệu kèm theo phải được lập và gửi bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong trường hợp cấp bách, có thể sử dụng hình thức điện thoại, fax, bút phê và các phương tiện khác trong việc gửi và xử lý báo cáo, xin ý kiến để kịp thời giải quyết công việc;
- h. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.
- Bất kỳ khi nào xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể yêu cầu Tổng Giám đốc, các thành viên Ban Tổng Giám đốc báo cáo, giải trình về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị bằng các thông báo trước bằng thư điện tử hoặc bằng văn bản cho người được yêu cầu báo cáo, giải trình ít nhất 03 ngày làm việc. Yêu cầu phải nêu rõ các nội dung cần báo cáo, giải trình, thời gian và địa điểm thực hiện việc báo cáo, giải trình.
2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.
- a. Đánh giá hoạt động
- Phương thức đánh giá hoạt động:
 - + Công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý cấp cao khác có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:
 - Tự nhận xét, đánh giá;
 - Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
 - Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.
 - + Đối với cán bộ quản lý khác, Tổng Giám đốc quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện đánh giá.
 - Tiêu chí đánh giá hoạt động:
 - + Hội đồng quản trị đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- + Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của mỗi Kiểm soát viên định kỳ hàng năm, dựa theo chức và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- + Hội đồng quản trị đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý cấp cao khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, có tham khảo ý kiến của Ban kiểm soát.
- + Việc đánh giá hoạt động đối với các cán bộ quản lý khác được thực hiện hàng năm theo nội dung mô tả công việc, thỏa thuận trong hợp đồng lao động do Tổng Giám Đốc quyết định.

b. Khen thưởng, kỷ luật

- Hội đồng quản trị quyết định hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- Tổng Giám đốc quyết định hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.
- Nguyên tắc, hình thức khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác nhau được thực hiện theo Quy chế trả lương, thưởng, thù lao hiện hành của Công ty.
- Nguyên tắc, hình thức , trình tự xử lý vi phạm kỷ luật đối với cán bộ quản lý Công ty thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần xây dựng số 5 bao gồm 07 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. .tháng.. .năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TP. HCM, ngày tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5**

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần ...;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số : 342 ngày 01 tháng 06 năm 2020;
- Ban kiểm, soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần xây dựng số 5;
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần xây dựng số 5 bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

**Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)**

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức

nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác);

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và (Điều lệ công ty).

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công

ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn).

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc (một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty) có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. (Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác), việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác), việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng

cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác).

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Toảng Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Toảng Giám đốc) để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm

quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Toång Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Toång Giám đốc) và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Toång Giám đốc) và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

(Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác), thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá toång ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền

kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5 bao gồm (07 chương), (22 điều) và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Vũ Văn Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2021

-----0o0-----

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG	HỌ VÀ TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN
SỐ CỔ PHẦN ỦY QUYỀN:		
TỔNG SỐ PHIẾU BIỂU QUYẾT:		

PHIẾU BIỂU QUYẾT

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Thông qua tờ trình xây dựng chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Thông qua tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Thông qua tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Thông qua tờ trình sửa đổi, bổ sung và bỏ ngành nghề kinh doanh cho phù hợp với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 là 05% lợi nhuận trước thuế.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Thông qua Dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần xây dựng số 5.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Thông qua Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12	Thông qua Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13	Thông qua Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5

Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Văn Từ	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31/7/2020)
	Ông Nguyễn Kinh Kha	Phó chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31/7/2020)
	Ông Nguyễn Đình Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31/7/2020)
	Ông Trần Đạt Thịnh	Thành viên
	Ông Phạm Quốc Tuấn	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Văn Từ	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Đức Hanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đặng Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27/10/2020)
	Ông Nguyễn Hoài Thanh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30/9/2020)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Văn Từ

Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.054.848.781.338	1.592.128.824.583
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	343.303.922.506	346.058.357.323
1. Tiền	111		230.004.888.919	343.054.012.954
2. Các khoản tương đương tiền	112		113.299.033.587	3.004.344.369
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	13.018.155.110	16.997.199.804
1. Chứng khoán kinh doanh	121		13.018.155.110	13.018.155.110
2. Giữ đến ngày đáo hạn	123		-	3.979.044.694
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.253.761.593.558	832.667.158.849
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	676.362.578.886	531.300.983.489
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	329.236.666.293	57.215.258.783
3. Các khoản phải thu khác	136	8	248.162.348.379	244.150.916.577
IV. Hàng tồn kho	140	9	436.522.246.089	392.144.248.255
1. Hàng tồn kho	141		436.522.246.089	392.144.248.255
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.242.864.075	4.261.860.352
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		326.429.588	-
2. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		7.916.434.487	4.261.860.352
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		115.849.170.978	94.595.769.799
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		66.144.423.281	70.440.206.958
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	66.144.423.281	70.373.750.730
Nguyên giá	222		108.362.144.554	108.362.144.554
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.217.721.273)	(37.988.393.824)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	66.456.228
Nguyên giá	228		863.931.250	863.931.250
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(863.931.250)	(797.475.022)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		43.000.000.000	23.000.000.000
1. Đầu tư nắm đến ngày đáo hạn	255	6	43.000.000.000	23.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.704.747.697	1.155.562.841
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.704.747.697	1.155.562.841
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.170.697.952.316	1.686.724.594.382

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.820.923.049.305	1.338.527.439.435
I. Nợ ngắn hạn	310		1.778.903.752.597	1.265.757.450.532
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	379.111.280.479	403.217.536.272
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	851.195.643.869	291.678.735.591
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		31.987.200	3.216.840.791
4. Phải trả công nhân viên	314		694.424.600	137.235.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		330.000.000	4.498.927.375
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	28.158.604.441	34.024.351.078
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	513.718.456.035	523.076.845.027
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		5.663.355.973	5.906.979.398
II. Nợ dài hạn	330		42.019.296.708	72.769.988.903
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	13	136.500.000	30.346.617.500
2. Phải trả dài hạn khác	337	16	26.518.956.393	27.053.462.906
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	15.363.840.315	15.369.908.497
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		349.774.903.011	348.197.154.947
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	349.774.903.011	348.197.154.947
1. Vốn điều lệ	411		149.845.500.000	149.845.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	411a		149.845.500.000	149.845.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.950.000.000	20.950.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.510.000)	(10.510.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		73.657.688.034	73.657.688.034
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.332.224.977	103.754.476.913
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		70.072.802.338	69.984.691.326
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		35.259.422.639	33.769.785.587
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.170.697.952.316	1.686.724.594.382



Tô Thị Tuyết Mai
Người lập
Ngày 05 tháng 3 năm 2021



Phan Chí Hiếu
Kế toán trưởng






Phạm Văn Từ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng	01		1.901.896.760.840	2.235.131.989.314
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng	10	19	1.901.896.760.840	2.235.131.989.314
4. Giá vốn hàng bán	11	20	1.802.547.070.055	2.135.023.964.631
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		99.349.690.785	100.108.024.683
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	9.631.486.547	4.635.525.135
7. Chi phí tài chính	22	22	38.467.737.969	39.280.898.843
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		38.417.923.539	39.280.898.843
8. Chi phí bán hàng	24		1.084.976.296	1.032.978.715
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.047.463.844	19.732.121.118
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		45.380.999.223	44.697.551.142
11. Thu nhập khác	31		21.236.242	19.938.152
12. Chi phí khác	32		260.620.523	843.834.408
13. Lợi nhuận khác	40		(239.384.281)	(823.896.256)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45.141.614.942	43.873.654.886
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	9.882.192.303	10.103.869.299
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		35.259.422.639	33.769.785.587
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.353	2.006


Tô Thị Tuyết Mai
Người lập
Ngày 05 tháng 3 năm 2021


Phan Chí Hiếu
Kế toán trưởng


Phạm Văn Từ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lãi trước thuế	01	45.141.614.942	43.873.654.886
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.295.783.677	4.383.720.316
Các khoản dự phòng	03	(6.068.182)	(7.642.151.898)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.907.674.834)	(3.733.764.546)
Chi phí lãi vay	06	38.417.923.539	39.060.750.529
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	80.941.579.142	75.942.209.287
Tăng các khoản phải thu	09	(390.931.296.960)	(264.293.629.036)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(44.377.997.834)	549.728.427.233
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	459.545.797.041	(355.606.030.570)
Tăng chi phí trả trước	12	(5.875.614.444)	(327.404.404)
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	18.984.253.316
Tiền lãi vay đã trả	14	(38.417.923.539)	(39.639.347.794)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.242.062.759)	(12.092.827.984)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	3.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.961.300.000)	(4.714.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	45.684.180.647	(32.018.699.952)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	9.090.909
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.000.000.000)	(20.206.747.230)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.979.044.694	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3.062.096.354
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	6.907.674.834	3.062.577.283
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.113.280.472)	(14.072.982.684)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.700.506.222.426	1.069.120.145.458
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.709.864.611.418)	(960.911.628.536)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.966.946.000)	(29.966.948.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(39.325.334.992)	78.241.568.622
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.754.434.817)	32.149.885.986
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	346.058.357.323	313.908.471.337
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	343.303.922.506	346.058.357.323



Tô Thị Tuyết Mai
Người lập
Ngày 05 tháng 3 năm 2021



Phan Chí Hiếu
Kế toán trưởng





Phạm Văn Từ
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 4103002004, đăng ký lần đầu ngày 24/12/2003 và đăng ký sửa đổi lần thứ mười sáu (16) ngày 30/11/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SC5.

Trụ sở chính đặt tại số 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh.

Chi tiết các đơn vị trực thuộc tại ngày 31/12/2020 như sau:

STT	Tên công ty con	Hoạt động chính
1	Xí nghiệp Xây dựng Số 1	Xây dựng công trình
2	Xí nghiệp Xây dựng Số 2	Xây dựng công trình
3	Xí nghiệp Xây dựng Số 3	Xây dựng công trình
4	Xí nghiệp Xây dựng Số 4	Xây dựng công trình
5	Xí nghiệp Xây dựng Số 5	Xây dựng công trình
6	Xí nghiệp Xây dựng Số 6	Xây dựng công trình
7	Xí nghiệp Xây dựng số 7 (QĐ số 668/QĐ/SC5, ngày 02/10/2020)	Xây dựng công trình
8	Xí nghiệp Xây dựng Số 9	Xây dựng công trình
9	Xí nghiệp Xây dựng số 10 (QĐ số 667/QĐ/SC5, ngày 02/10/2020)	Xây dựng công trình
10	Xí nghiệp Xây dựng số 15 (QĐ số 724/QĐ/SC5, ngày 28/10/2020)	Xây dựng công trình
11	Xí nghiệp Xây dựng và Quản lý Dịch vụ	Xây dựng công trình
12	Xí nghiệp Cơ giới và Thiết bị	Xây dựng công trình
13	Xí nghiệp Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	Xây dựng công trình
14	Xí nghiệp Đầu tư Xây dựng	Xây dựng công trình
15	Xí nghiệp Kinh doanh Vật tư – Thương mại và Dịch vụ	Kinh doanh vật tư xây dựng

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, trang trí nội thất, mộc xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chínhCác khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư khác

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

- Phần mềm, website và tài sản vô hình khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 30
Máy móc, thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 13 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập báo cáo.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các năm tài chính sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác: gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều năm.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số năm đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào năm sau nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào năm sau và sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh khoản giảm trừ.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	21.587.209.377	33.177.218.777
Tiền gửi ngân hàng	208.417.679.542	309.876.794.177
Các khoản tương đương tiền	113.299.033.587	3.004.344.369
	<u>343.303.922.506</u>	<u>346.058.357.323</u>

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ban quản lý đầu tư - xây dựng công trình Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TP . HCM	15.054.702.905	7.991.575.759
Ban quản lý dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên	31.869.322.998	5.264.115.506
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Nam	14.633.217.192	-
Ban quản lý dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên TP . Đà Nẵng	13.255.070.945	15.478.489.572
Công ty CP Nước Môi trường Bình Dương	52.968.182.669	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại - Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông	59.623.565.200	59.623.565.200
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công trình Thủy lợi Đồng Nai	10.517.656.089	2.215.230.689
Công ty TNHH TM DV Xây dựng Mã Thượng	22.954.118.616	-
Công ty CP Huỳnh Gia Huy	28.306.849.114	-
Công ty CP Cấp thoát nước Lạng Sơn	18.122.120.332	-
Công ty CP HD Huy Hoàng	27.771.099.578	-
Công ty TNHH Đầu tư - Tư vấn - Xây dựng Thép Mới	105.838.640.467	191.683.510.980
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Minh Quốc	29.643.880.647	-
Công ty TNHH TM Xây dựng Quang Đức	66.593.020.881	-
Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn	10.610.407.823	8.974.417.374
Phải thu của các khách hàng khác	168.600.723.430	240.070.078.409
	<u>676.362.578.886</u>	<u>531.300.983.489</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MẪU B 09-DN****6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu OTC, bao gồm				
Công ty CP Vàng bạc đá quý Phương Nam (NJC)	1.081.650.000	-	1.081.650.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB)	729.500.000	-	729.500.000	-
Công ty CP Xây dựng Số 14 (CC14)	5.137.544.110	-	5.137.544.110	-
Công ty CP Thủy điện Dakr'ti'h	6.069.461.000	-	6.069.461.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, bao gồm				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3	-	-	3.979.044.694	-
	13.018.155.110	-	16.997.199.804	3.979.044.694

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư có phiếu OTC để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư có phiếu OTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MẤU B 09-DN****CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự Phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3	43.000.000.000	43.000.000.000	-	23.000.000.000
	43.000.000.000	43.000.000.000	-	23.000.000.000

Trái phiếu Công ty đang nắm giữ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3 bao gồm:

+ 300 trái phiếu có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào năm 2027, mệnh giá một trái phiếu là 10.000.000 VND. Lãi suất bằng lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh định kỳ) và được xác định bằng Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm. Tiền lãi trái phiếu được trả sau, định kỳ một năm một lần vào ngày thanh toán lãi là mỗi ngày tròn năm kể từ ngày phát hành và ngày trả lãi đầu tiên là ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trong năm 2018, riêng tiền lãi cho kỳ thanh toán lãi thứ 10 của trái phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc trái phiếu vào ngày đáo hạn. Trừ khi được mua lại trước hạn theo các quy định của điều khoản và điều kiện của trái phiếu, các trái phiếu sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá của trái phiếu vào ngày đáo hạn.

+ 2000 trái phiếu có kỳ hạn 07 năm, đáo hạn vào năm 2026, mệnh giá một trái phiếu là 10.000.000 đồng. Lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 1%/năm. Tiền lãi trái phiếu 2026 được trả sau, định kỳ một năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu 2026 phù hợp với bản cáo bạch chào bán trái phiếu; là mỗi ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trái phiếu 2026 và ngày trả lãi đầu tiên là ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trái phiếu 2026 trong năm 2020, riêng tiền lãi của kỳ thanh toán lãi thứ bảy của trái phiếu 2026 sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc trái phiếu 2026 vào ngày đáo hạn trái phiếu 2026. Trừ khi được mua lại trước hạn theo các quy định của các điều khoản và điều kiện của trái phiếu 2026, các trái phiếu 2026 sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá của trái phiếu 2026 đó vào ngày đáo hạn trái phiếu 2026.

+ 200.000 trái phiếu có kỳ hạn 08 năm; đáo hạn vào năm 2028; mệnh giá một trái phiếu là 100.000 đồng. Lãi suất áp dụng cho toàn bộ thời gian 08 (tám) năm là lãi suất thả nổi và bằng lãi suất tham chiếu + 0,9%/năm. Tiền lãi trái phiếu 2028 được trả định kỳ một năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu 2028; Nếu trái phiếu 2028 được tổ chức phát hành mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2028 thì ngày thanh toán lãi năm thứ 3 sẽ là ngày thanh toán lãi cuối cùng của trái phiếu 2028 và tiền lãi năm thứ 3 sẽ được thanh toán cùng tiền gốc trái phiếu 2028 vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2028 và/hoặc ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2028 và/hoặc ngày đáo hạn trái phiếu 2028 khác không phải là ngày làm việc thì ngày thanh toán sẽ là ngày làm việc tiếp theo sau ngày đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Phát triển Bạch Đằng Đà Nẵng	20.055.276.732	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng DACINCO	106.259.547.216	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Thanh Trọng Hiếu	89.617.942.126	17.461.599.900
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Bảo Lâm Phương	19.302.457.321	-
Công ty CP VIWASEEN3	36.819.103.223	-
Công ty CP HD Huy Hoàng	11.017.425.700	-
Khác	46.164.913.975	39.753.658.883
	<u>329.236.666.293</u>	<u>57.215.258.783</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng (*)	200.151.984.017	191.500.461.385
Đặt cọc ký cược ký quỹ ngắn hạn	448.497.244	456.237.210
Công ty TNHH Đầu tư Sato (**)	34.031.011.935	34.031.011.935
Phải thu khác	13.530.855.183	18.163.206.047
	<u>248.162.348.379</u>	<u>244.150.916.577</u>

(*) Các khoản tạm ứng cho các đội trường thi công công trình chưa được quyết toán chi phí.

(**) Đây là số tiền Công ty TNHH Đầu tư Sato còn nghĩa vụ phải góp để hoàn thành dự án “Chinh trang đô thị khu vực đầu cầu Thủ Thiêm, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh”.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên vật liệu	-	48.441.027.511
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	436.522.246.089	343.703.220.744
	<u>436.522.246.089</u>	<u>392.144.248.255</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<u>436.522.246.089</u>	<u>392.144.248.255</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	102.143.251.284	4.846.257.990	1.105.349.133	267.286.147	108.362.144.554
Tại ngày 31/12/2020	102.143.251.284	4.846.257.990	1.105.349.133	267.286.147	108.362.144.554
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2020	(32.679.073.346)	(4.034.291.260)	(1.105.349.133)	(169.680.085)	(37.988.393.824)
Khấu hao trong năm	(3.572.421.328)	(592.300.061)	-	(64.606.060)	(4.229.327.449)
Tại ngày 31/12/2020	(36.251.494.674)	(4.626.591.321)	(1.105.349.133)	(234.286.145)	(42.217.721.273)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	69.464.177.938	811.966.730	-	97.606.062	70.373.750.730
Tại ngày 31/12/2020	65.891.756.610	219.666.669	-	33.000.002	66.144.423.281

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 3.095.985.497 VND (tại ngày 31/12/2019 là 3.095.985.497 VND).

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2020	863.931.250
Tại ngày 31/12/2020	863.931.250
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2020	(797.475.022)
Khấu hao trong năm	(66.456.228)
Tại ngày 31/12/2020	(863.931.250)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2020	66.456.228
Tại ngày 31/12/2020	-

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty CP Cúc Phương	8.628.246.897	20.363.680.859
Công ty CP Thép Quang Tiến	19.628.981.767	34.685.553.859
Công ty CP Bê tông Hồng Hà	31.297.118.518	17.698.707.510
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng An Thanh Hải	20.626.081.590	22.642.383.204
Công ty TNHH MTV Thương mại Thanh Dung	33.436.589.399	16.208.453.960
Công ty CP Phát triển Xây dựng và Thương mại Thuận An	7.695.371.562	14.432.416.787
Công ty CP Xây dựng FAS	11.357.819.853	-
Công ty CP Xây dựng & Thương mại Đức Hùng	14.451.629.301	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng Thành Dương	16.842.431.900	22.992.953.011
Các nhà cung cấp khác	215.147.009.692	254.193.387.082
	379.111.280.479	403.217.536.272

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn	851.195.643.869	291.678.735.591
Khách hàng ứng trước các công trình xây lắp	842.926.267.056	288.940.906.171
Khách hàng ứng trước các dịch vụ khác	8.269.376.813	2.737.829.420
Dài hạn	136.500.000	30.346.617.500
Chung cư Mỹ Đức - Phường 22, Quận Bình Thạnh	-	30.210.117.500
Khu quy hoạch - Phường Phước Long B - Quận 9	136.500.000	136.500.000
	<u>851.332.143.869</u>	<u>322.025.353.091</u>

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	638.041.134	636.336.634
Bảo hiểm xã hội	90.730.022	76.752.272
Cổ tức phải trả cổ đông	-	135.400
Phải trả các đội nhận khoán thi công các công trình xây lắp	3.765.777.067	19.031.542.399
Kinh phí bảo trì tạm thu của các căn hộ trong các dự án chung cư	2.526.868.335	5.951.363.971
Ông Nguyễn Văn Cường	10.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.137.187.883	8.328.220.402
	<u>28.158.604.441</u>	<u>34.024.351.078</u>

15. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3	450.574.236.141	444.210.899.429
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn	42.342.969.240	58.589.842.358
Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Sài Gòn	20.801.250.654	20.276.103.240
	<u>513.718.456.035</u>	<u>523.076.845.027</u>

Tại ngày 13/08/2020 Công ty đã ký hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT906-SC5 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 3, với hạn mức 700.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho quy định theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm thế chấp tài sản gắn liền với đất và quyền tài sản được quy định cụ thể trong các hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số TS01, TS02, TS03, TS04, TS05, TS06/2019-HĐBĐ/NHCT906-SC5 ký ngày 20/08/2019.

Tại ngày 26/11/2020 Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 441.0149/2020/HĐHM-PN/PGB.SG với Ngân hàng TMCP xăng Dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn, với hạn mức 100.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và mở L/C; lãi suất cho quy định của Ngân hàng. Hợp đồng tín dụng này không có tài sản đảm bảo.

Tại ngày 14/12/2020 Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 9378583.20 với Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn, với hạn mức 70.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh; lãi suất cho quy định của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu và quyền đòi nợ hình thành từ các hợp đồng thi công.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả vốn hợp tác đầu tư	24.455.000.000	24.455.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.063.956.393	2.483.462.906
Phải trả dài hạn khác		115.000.000
	<u>26.518.956.393</u>	<u>27.053.462.906</u>

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	15.363.840.315	15.369.908.497
	<u>15.363.840.315</u>	<u>15.369.908.497</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MẪU B 09-DN****18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư & Phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	149.845.500.000	20.950.000.000	(10.510.000)	73.657.688.034	104.713.777.891	349.156.455.925
Lợi nhuận	-	-	-	-	33.769.785.587	33.769.785.587
Trích quỹ KT, PL	-	-	-	-	(4.762.088.565)	(4.762.088.565)
Cổ tức	-	-	-	-	(29.966.998.000)	(29.966.998.000)
Tại ngày 31/12/2019	149.845.500.000	20.950.000.000	(10.510.000)	73.657.688.034	103.754.476.913	348.197.154.947
Lợi nhuận	-	-	-	-	35.259.422.639	35.259.422.639
Trích quỹ KT, PL	-	-	-	-	(3.714.676.575)	(3.714.676.575)
Cổ tức	-	-	-	-	(29.966.998.000)	(29.966.998.000)
Tại ngày 31/12/2020	149.845.500.000	20.950.000.000	(10.510.000)	73.657.688.034	105.332.224.977	349.774.903.011

Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	14.984.550	14.984.550
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.984.550	14.984.550
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.984.550</i>	<i>14.984.550</i>
<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>1.051</i>	<i>1.051</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.983.499	14.983.499
- <i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>14.983.499</i>	<i>14.983.499</i>

Mệnh giá: 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

19. DOANH THU THUẦN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.620.397.014.479	1.820.653.224.900
Doanh thu hợp đồng xây dựng	40.782.441.390	38.976.105.007
Doanh thu kinh doanh nhà	240.717.304.971	375.502.659.407
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>1.901.896.760.840</u>	<u>2.235.131.989.314</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.550.335.833.316	1.726.479.955.576
Giá vốn kinh doanh nhà	19.694.368.349	38.921.559.555
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	232.516.868.390	369.622.449.500
	<u>1.802.547.070.055</u>	<u>2.135.023.964.631</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	6.603.135.834	2.098.918.111
Lãi do chuyển nhượng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	662.096.354
Cổ tức được chia	304.539.000	963.659.172
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.723.811.713	910.851.498
	<u>9.631.486.547</u>	<u>4.635.525.135</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	38.417.923.539	39.060.750.529
Khác	49.814.430	220.148.314
	<u>38.467.737.969</u>	<u>39.280.898.843</u>

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	45.141.614.942	43.873.654.886
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	3.489.681.595	3.918.234.542
Chi phí không được trừ	3.489.681.595	3.918.234.542
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	(304.539.000)	(963.659.172)
Thu nhập từ nhận cổ tức	(304.539.000)	(963.659.172)
Thu nhập chịu thuế	<u>48.326.757.537</u>	<u>46.828.230.256</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.665.351.507	9.365.646.051
Thuế TNDN truy thu từ các năm trước	216.840.796	738.223.248
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>9.882.192.303</u>	<u>10.103.869.299</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.259.422.639	33.769.785.587
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(3.714.676.575)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	35.259.422.639	30.055.109.012
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.983.499	14.983.499
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.353	2.006

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	931.994.051.272	754.326.277.441
Chi phí nhân công	80.336.692.843	69.351.219.020
Chi phí sử dụng máy thi công	197.734.728.797	188.549.552.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	556.316.099.818	394.797.993.288
Chi phí khác	102.170.678.430	121.257.799.477
Tổng	1.868.552.251.160	1.528.282.841.354

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lương và các khoản thu nhập khác	4.038.000.000	3.607.500.000

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp; Đầu tư và kinh doanh Bất động sản; Cung cấp vật tư và dịch vụ khác.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 như sau:

	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản	Cung cấp vật tư và dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	252.666.671	-	65.891.756.610	66.144.423.281
Các khoản phải thu	1.245.019.685.476	4.860.640.290	3.881.267.792	1.253.761.593.558
Hàng tồn kho	404.855.161.807	31.667.084.282	-	436.522.246.089
Tài sản chung	-	-	-	520.254.186.297
Tổng tài sản	1.650.127.513.954	36.527.724.572	69.773.024.402	2.276.682.449.225
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	1.305.196.571.345	1.941.864.000	66.157.925	1.307.204.593.270
Phải trả tiền vay	513.718.456.035	-	-	513.718.456.035
Tổng nợ phải trả	1.818.915.027.380	1.941.864.000	66.157.925	1.820.923.049.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020:

	Xây lắp VND	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản VND	Cung cấp vật tư và dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.620.397.014.479	40.782.441.390	240.717.304.971	1.901.896.760.840
Kết quả kinh doanh bộ phận	70.061.181.163	21.088.073.041	8.200.436.581	99.349.690.785
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	99.349.690.785
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)	-	-	-	9.631.486.547
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	(38.467.737.969)
Thu nhập khác	-	-	-	(25.371.824.421)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	45.141.614.942
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(9.882.192.303)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	35.259.422.639

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 như sau:

	Xây lắp VND	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản VND	Cung cấp vật tư và dịch vụ khác VND	Tổng VND
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	976.029.020	-	69.464.177.938	70.440.206.958
Các khoản phải thu	821.316.336.369	6.912.688.762	4.438.133.718	832.667.158.849
Hàng tồn kho	363.147.377.307	28.996.870.948	-	392.144.248.255
Tài sản chung	-	-	-	391.472.980.320
Tổng tài sản	1.185.439.742.696	35.909.559.710	73.902.311.656	1.686.724.594.382
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	784.896.426.540	30.346.617.500	207.550.368	815.450.594.408
Phải trả tiền vay	523.076.845.027	-	-	523.076.845.027
Tổng nợ phải trả	1.307.973.271.567	30.346.617.500	207.550.368	1.338.527.439.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019:

	Xây lắp VND	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản VND	Cung cấp vật tư và dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.820.653.224.900	38.976.105.007	375.502.659.407	2.235.131.989.314
Kết quả kinh doanh bộ phận	94.173.269.324	54.545.452	5.880.209.907	100.108.024.683
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	100.108.024.683
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)	-	-	-	4.635.525.135
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	(39.280.898.843)
Thu nhập khác	-	-	-	(21.588.996.089)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	43.873.654.886
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(10.103.869.299)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	33.769.785.587

28. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.



Tô Thị Tuyết Mai
Người lập
Ngày 05 tháng 3 năm 2021



Phan Chí Hiếu
Kế toán trưởng



Phạm Văn Từ
Tổng Giám đốc

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP xây dựng số 5;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần xây dựng số 5 ngày 28/04/2021.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
QUYẾT NGHỊ**

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
Tỷ lệ biểu quyết tán thành: % tổng số cổ phần tham dự đại hội.

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021.

STT	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	Thực hiện năm 2020	% thực hiện so với KH
A	Tổng giá trị sản lượng	Tỷ đồng	2.350	96
	- Giá trị xây lắp	Tỷ đồng	2.085	87
	- Giá trị kinh doanh BĐS	Tỷ đồng	0	0
	- Giá trị kinh doanh khác	Tỷ đồng	265	688
B	Giá trị tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.901,9	94
	- Doanh thu xây lắp	Tỷ đồng	1.620,4	82
	- Doanh thu kinh doanh BĐS	Tỷ đồng	40,78	187
	- Doanh thu khác	Tỷ đồng	240,72	757
C	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	45,14	171
D	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	35,26	167
E	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	209,44	92
F	Cổ tức trên mỗi cổ phần	%	20	167

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: % tổng số cổ phần tham dự đại hội.

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% tổng số cổ phần tham dự đại hội.

Điều 4: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính năm 2020.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: % tổng số cổ phần tham dự đại hội.

Điều 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2020.

– Lợi nhuận trước thuế năm 2020	: 45.141.614.942 đồng
– Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	: 9.882.192.303 đồng
– Lợi nhuận sau thuế	: 35.259.422.639 đồng
– Trích quỹ khen thưởng (15% LN sau thuế)	: 5.288.913.396 đồng
– Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ	: 29.970.509.243 đồng
– Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt (20% vốn điều lệ):	29.966.998.000 đồng
– Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2020	: 3.511.243 đồng

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: % tổng số cổ phần tham dự đại hội.

Điều 6: Thông qua chỉ tiêu kế hoạch và định hướng phát triển sản xuất kinh doanh năm 2021:

- Kế hoạch giá trị tổng sản lượng SXKD ước đạt: **2.500** tỷ đồng. Trong đó:
 - + Giá trị xây lắp ước đạt: 2.450,5 tỷ đồng;
 - + Giá trị kinh doanh nhà ước đạt: 0 tỷ đồng;
 - + Giá trị kinh doanh khác ước đạt: 49,50 tỷ đồng;
- Kế hoạch doanh thu ước đạt: **2.091** tỷ đồng. Trong đó:
 - + Doanh thu xây lắp ước đạt: 2.031 tỷ đồng;
 - + Doanh thu kinh doanh BĐS ước đạt: 15 tỷ đồng;
 - + Doanh thu kinh doanh khác ước đạt: 45 tỷ đồng;
- Kế hoạch lợi nhuận trước thuế: **44,10** tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế: **35,28** tỷ đồng.
- Mức chia cổ tức dự kiến cho năm tài khóa 2021: **20%**/cổ phần.
- Kế hoạch nộp ngân sách nhà nước: **199** tỷ đồng.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: % tổng số cổ phần tham dự đại hội.

Điều 7: Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021:

Đại hội đồng cổ đông nhất trí ủy quyền cho HĐQT công ty được chọn 01 (một) trong 03 (ba) công ty kiểm toán:

1. Công Ty TNHH Kiểm Toán DFK Việt Nam;
2. Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC;
3. Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư vấn A&C.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: % tổng số cổ phần tham dự đại hội.

Điều 8: Thông qua mức thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát cho năm tài chính 2021 là 05% lợi nhuận trước thuế.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: % tổng số cổ phần tham dự đại hội.

Điều 9: Thông qua Tờ trình Sửa đổi, bổ sung và bỏ ngành nghề kinh doanh cho phù hợp với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: % tổng số cổ phần tham dự đại hội.

Điều 10: Thông qua Dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần xây dựng số 5

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: % tổng số cổ phần tham dự đại hội.

Điều 11: Thông qua Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: % tổng số cổ phần tham dự đại hội.

Điều 12: Thông qua Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: % tổng số cổ phần tham dự đại hội.

Điều 13: Thông qua Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: % tổng số cổ phần tham dự đại hội.

Điều 14: Điều khoản thi hành

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 thông qua toàn văn tại Đại hội với tỷ lệ 100% cổ phần tham dự Đại hội.
- Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

NGUYỄN KINH KHA